

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO TÓM TẮT

**LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
HUYỆN PHONG ĐIỀN - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Phong Điền năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I	1
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục tiêu.....	2
2. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu.....	3
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	3
1.1. Cơ sở pháp lý.....	3
1.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ	4
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....	8
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.....	8
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	8
2.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	10
2.1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.....	13
2.1.4. Đánh giá chung.....	13
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	14
2.2.1. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	14
2.2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.....	15
2.2.3. Thực trạng phát triển xã hội	17
2.2.2.1. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	17
2.2.2.2. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.....	18
2.2.2.3. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	18
III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC	22
3.1. kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2023 .	22
3.1.1. Đất nông nghiệp.....	24
3.1.2. Đất phi nông nghiệp.....	27
3.1.3. Đất chưa sử dụng.....	33
3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	33
3.2.1. Những mặt đạt được	33
3.2.2. Những hạn chế, tồn tại.....	34
3.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại	34
3.2.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	35
PHẦN II.....	36
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	36

ĐẾN NĂM 2030	36
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	36
1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	36
1.2. Quan điểm sử dụng đất.....	37
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	37
II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	39
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	39
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	43
2.2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	43
2.2.2. Chỉ tiêu phân bổ đất đai đến năm 2030.....	45
2.3. Tầm nhìn đến năm 2050	50
PHẦN III	53
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	53
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	53
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC.....	53
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	54
3.1. Giải pháp về chính sách	54
3.2. Giải pháp về khoa học - công nghệ.....	56
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	57
I. KẾT LUẬN.....	57
II. KIẾN NGHỊ.....	57

PHẦN I

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn lực to lớn của Đất nước; đất đai còn là loại tài nguyên không tái tạo. Sử dụng đất đai một cách khoa học, hợp lý là nhiệm vụ mang tính cấp bách và lâu dài. Đất đai chỉ thực sự phát huy vai trò vốn có của mình dưới sự quản lý chặt chẽ, thống nhất, phù hợp của Nhà nước.

Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, được thẩm định và phê duyệt theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và được phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt làm căn cứ cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quản lý, sử dụng đất theo quy định, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và quy hoạch của các ngành; đồng thời thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái trong thời gian qua.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch) một trong những căn cứ lập/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất là quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và Tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội quy định: *“Cho phép Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập quy hoạch được thực hiện ngay các giải pháp sau để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch và bảo đảm chất lượng công tác quy hoạch: Lập đồng thời các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh khác có quy định về quy hoạch; tập trung ưu tiên lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn Trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch cùng cấp, căn cứ vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các văn kiện của Đảng, chiến lược phát triển ngành và từ yêu cầu thực tiễn, cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch quyết định điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch.”*

Đồng thời, tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định: “Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch.

Ngày 30/12/2023 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg. Căn cứ các quy định nêu trên và Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023; căn cứ Công văn số 144/STNMT-QLDD ngày 17/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023 cấp huyện.

UBND các huyện tổ chức triển khai lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của địa phương theo trình tự thủ tục quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch 3 sử dụng đất đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023, làm cơ sở để triển khai thực hiện các công trình, dự án kịp thời phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

UBND huyện Phong Điền đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành xây dựng dự án:

“Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền.”

1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh về phân bổ và khoanh vùng đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương; sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững nhằm phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh;

- Làm căn cứ để giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; định hướng cho quy hoạch sử dụng đất chuyên ngành, đồng thời hình thành hệ thống thông tin tư liệu về đất đai phục vụ cho công tác quản lý sử dụng đất hợp lý, khoa học và có hiệu quả kinh tế cao;

- Là cơ sở để dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

Nghiên cứu lập quy điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền với diện tích 94.566,11 ha, bao gồm 03 nhóm đất chính: nhóm đất nông nghiệp; nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/06/2022 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định về giá đất;
- Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về cây giống và canh tác;
- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 6/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư 09/2021/TTP-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Công văn số 144/STNMT-CCQLĐ ngày 17/01/2024 về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cấp huyện;
- Các văn bản pháp lý liên quan đến xét duyệt, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Phong Điền.

1.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ

- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương, nguồn thu sử dụng đất và nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021;
- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 03/6/2022 của HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 3);
- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 2);
- Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh về việc

điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 28/8/2020 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020 định hướng đến 2030;

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân vùng sử dụng đất các bãi tắm, điểm vui chơi giải trí cộng đồng bền vững vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025;

- Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thiết chế văn hóa tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch giai đoạn 2013-2030;

- Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh phê duyệt bổ sung Quy hoạch cát, sỏi xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1413/QĐ- UBND ngày 23/6/2016 của tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế và các Quyết định điều chỉnh, quy hoạch bổ sung thăm dò, khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 3945/QĐ-BCT ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Bộ công thương về việc phê duyệt Quy hoạch điện lực tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 - Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110KV;

- Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND Tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Giao thông Vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND Tỉnh về việc thí điểm thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn Sao La và Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các bến bãi tập kết vật liệu xây dựng, cát sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định 847/QĐ-UBND ngày 03/04/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Phong Điền;
- Quyết định 1511/QĐ-UBND ngày 25/06/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển loại rừng;
- Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Khu bảo tồn ngập nước Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/05/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND Tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Giao thông Vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

- Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó Biến đổi khí hậu Tỉnh Thừa Thiên Huế Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án “ Khảo sát, đánh giá thực trạng cụm công nghiệp và định hướng phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030”;

- Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Phong Điền đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quyết định phê duyệt phân khu, phê duyệt quy hoạch chung các xã và phê duyệt chi tiết các dự án, trên địa bàn huyện;

- Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền;

- Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

- Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1626/QĐ-TTg, ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương;

- Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

- Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 4158/QĐ-UBND ngày 26/04/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai thực hiện quy hoạch điện VIII và kế hoạch thực hiện quy hoạch điện VIII;

- Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 15/04/2024 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ

- XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Huyện Phong Điền nằm phía Bắc của tỉnh Thừa Thiên Huế, có tọa độ địa lý 16⁰35'41'' - 16⁰57' vĩ độ Bắc, 107⁰21'41'' kinh độ Đông.

- Phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị.

- Phía Đông Bắc giáp biển Đông.

- Phía Đông Nam giáp huyện Quảng Điền, thị xã Hương Trà.

- Phía Nam giáp huyện A Lưới.

Huyện Phong Điền bao gồm 16 đơn vị hành chính, trong đó gồm 1 thị trấn Phong Điền và 15 xã, với tổng diện tích đất tự nhiên là 94.822,80 ha, chiếm 18,89% diện tích đất tự nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Địa hình, địa mạo

Huyện Phong Điền được bao bọc bởi 2 con sông lớn là sông Ô Lâu ở phía Bắc và sông Bồ ở phía Nam với chiều dài 17 km, chiều rộng trung bình 48 km với đầy đủ các dạng địa hình: đồi núi, đồng bằng và ven biển - đầm phá.

Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông, đơn giản ít bị chia cắt, phần phía Tây của huyện là núi đồi, tiếp đến là các lưu vực sông Bồ, sông Ô Lâu tạo nên các bồn đại trũng với vùng đồng bằng và các dải cát nội đồng khá bằng phẳng.

Căn cứ vào các đặc điểm địa hình có thể phân huyện Phong Điền thành 3 vùng chủ yếu sau:

- Vùng đồi núi: là vùng đất phía Tây Nam của huyện thuộc địa phận các xã Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong Sơn, Phong An, một phần xã Phong Thu và thị trấn Phong Điền, gồm những dãy núi cao, độ dốc bình quân 350, nhiều nơi địa

hình hiểm trở. Địa hình thấp dần từ Tây Nam xuống Đông Bắc, với vị trí là khu vực đầu nguồn sông Bò, sông Ô Lâu nên thảm thực vật ở đây có ảnh hưởng lớn đến khu vực hạ lưu. Đây là khu vực có nhiều tiềm năng phát triển các vùng chuyên canh, cây công nghiệp dài ngày...

- Vùng đồng bằng: bao gồm các xã Phong Hoà, Phong Bình, Phong Chương, Phong Hiền, một phần xã Phong Thu và thị trấn Phong Điền. Đây là dải đất hẹp, bằng phẳng chạy dài theo quốc lộ 1A và phần lớn là đất phù sa do sông Bò và sông Ô Lâu bồi đắp hàng năm nên thích hợp cho sản xuất nông nghiệp như lúa nước và các cây công nghiệp ngắn ngày. Là vùng đất tương đối bằng phẳng và lượn theo các trầm nước có độ cao trung bình 7,8 m so với mặt nước biển và phân bố theo 3 kiểu địa hình: vùng vòm cao trên 8,5m, vùng tiếp giáp với các trầm nước gần 8m và vùng lòng trầm 4 - 5m. Vùng đất này có nhiều khả năng đưa vào sản xuất các loại cây công nghiệp ngắn ngày, rau, đậu đỗ và các vùng nguyên liệu.

- Vùng ven biển, đầm phá: bao gồm các xã vùng Ngũ Điền với những bãi cát bằng phẳng ven biển tùy theo độ xâm thực của biển mà có chiều rộng khác nhau tạo nên những vùng cát nội đồng. Bên cạnh việc khai thác phát triển lâm nghiệp đặc biệt là rừng phòng hộ nhằm chống cát bay, cát lấp thì vùng đất này còn có khả năng nuôi tôm cao triều ven biển, đây là một khả năng mới đang được tỉnh và huyện quan tâm, có hướng đầu tư phát triển.

c) Điều kiện khí hậu

Phong Điền nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam. Do địa hình của dải Trường Sơn có ảnh hưởng mạnh đến hoán lưu khí quyển tạo nên sự khác biệt lớn trong phân hoá khí hậu của huyện.

- Chế độ nhiệt: huyện Phong Điền có 2 mùa rõ rệt, mùa khô nóng và mùa mưa ẩm lạnh. Nhiệt độ trung bình năm từ 24⁰C-25⁰C tương đương với tổng nhiệt năm khoảng 9000 - 9200⁰C, số giờ nắng trung bình 5 - 6 giờ/ngày. Biên độ nhiệt giữa các tháng trong năm chênh lệch 17⁰C - 19⁰C.

Mùa nóng: Từ tháng 3 đến tháng 8 do chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam nên khô nóng, nhiệt độ cao trung bình lớn hơn 25⁰C, tháng nóng nhất thường là tháng 6 hoặc tháng 7 nhiệt độ trung bình 29⁰C. Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối 39-40⁰C.

Mùa lạnh: Từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên mưa nhiều, trời lạnh. Nhiệt độ trung bình về mùa lạnh ở vùng đồng bằng từ 20⁰C - 22⁰C, ở miền núi từ 17⁰C - 19⁰C, tháng có nhiệt độ thấp nhất (tháng 1) xuống dưới 15⁰C.

- Chế độ mưa ẩm: huyện Phong Điền có lượng mưa rất lớn, lượng mưa trung bình hàng năm đạt 2800 - 3000 mm hoặc lớn hơn và tập trung chủ yếu trong mùa mưa, hai tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 10 và 11 chiếm tới 45% tổng

lượng mưa toàn năm nên thường có lũ lụt xảy ra vào thời gian này. Độ ẩm không khí trong vùng trung bình đạt 84%, trong mùa mưa độ ẩm lên tới 90%.

- Gió, bão: huyện Phong Điền chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính:
 - + Gió mùa Tây Nam: bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 8 tốc độ gió bình quân từ 2 - 3m/s có khi lên tới 7 - 8m/s. Gió khô nóng, bốc hơi mạnh gây khô hạn kéo dài.
 - + Gió mùa Đông Bắc: bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, tốc độ gió đạt 4 - 6m/s, trong mùa mưa bão có thể lên tới 30 - 40m/s. Gió kèm theo mưa lớn dễ gây ra lũ lụt ngập úng ở nhiều vùng.

Đây cũng là vùng chịu nhiều ảnh hưởng của bão thường tập trung vào các tháng 8,9,10; bão có cường suất lớn tạo ra lũ quét nên ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân.

Nhìn chung huyện Phong Điền có điều kiện khí hậu, thời tiết khắc nghiệt thường xảy ra hạn hán về mùa khô và lũ lụt vào mùa mưa do đó việc xây dựng các công trình thủy lợi, trồng rừng đầu nguồn để giữ nước, chống lũ lụt có ý nghĩa to lớn, cần được quan tâm, chú trọng.

d) Thủy văn

Do địa hình dốc nghiêng ra biển nên sông ngòi có đặc điểm là ngắn, dốc, lắm thác ghềnh, cửa sông hẹp. Vào mùa mưa lưu lượng nước lên cao, lưu lượng nước trung bình khoảng 3.000m/s, mùa khô lòng sông nước khô cạn, lưu lượng nước xuống thấp 3 - 4m/s. Huyện Phong Điền có các hệ thống sông chính sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc có hệ thống sông Ô Lâu. Đây là con sông có lưu vực thượng lưu nằm toàn bộ trong xã Phong Mỹ và có vai trò hết sức quan trọng trong việc đi lại cũng như cung cấp nước cho khu vực vùng hạ lưu.

- Phần ranh giới phía Nam có sông Bồ với các nhánh suối của thượng nguồn là Khe Quao, Rào Trăng.

Ngoài ra trong vùng còn có các hệ thống khe rạch, sông cụt chỉ hoạt động vào mùa mưa, cạn kiệt vào mùa khô.

2.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Tài nguyên đất của huyện Phong Điền được chia thành các loại chính sau:

- Đất cát: được hình thành ở vùng ven biển, các cửa sông và vùng cát nội đồng các xã đồng bằng. Đặc điểm nhóm đất này là sự phân hoá phẫu diện không rõ, thành phần cơ giới rời rạc, hạt khô, khả năng giữ nước và độ phì kém.

Trong nhóm này, diện tích đất cát phân bố dọc bờ sông Ô Lâu, ven phá Tam Giang và vùng cát nội đồng là có giá trị trong sản xuất nông nghiệp nhưng đất có thành phần cơ giới nhẹ, không có kết cấu, dung tích hấp thụ thấp, các chất dinh dưỡng (mùn, đạm, lân...) đều nghèo, kali tổng số cao nhưng kali trao đổi thấp. Loại đất này thích hợp cho trồng các loại hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày như: mía, lạc ...

Hiện nay, đất cát và cồn cát biển đang được sử dụng vào mục đích nông nghiệp và lâm nghiệp (chủ yếu là rừng phòng hộ, rừng sản xuất để bảo vệ vùng đất nội đồng, chống cát bay, cát di động và giữ nguồn nước ngọt).

- Đất phù sa: gồm 3 loại là đất phù sa được bồi hàng năm (Pb), đất phù sa ít được bồi (Pi) và đất phù sa không được bồi (Pk); thành phần cơ giới chủ yếu là thịt nhẹ, thịt trung bình. Đây là loại đất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp đặc biệt là lúa, màu...phân bố chủ yếu ở Phong Thu, Phong An, Phong Chương, Phong Bình, Phong Hoà, Phong Hiền.

- Đất đỏ vàng trên đá sét biến chất (Fs): diện tích điều tra được phát triển trên sản phẩm phong hoá của đá macma bazơ và trung tính, đá vôi.... phân bố ở địa hình tương đối cao đến bằng thoải lượn sóng. Đất có thành phần cơ giới nặng đến trung bình, hàm lượng dinh dưỡng cao, tầng đất trung bình đến dày, thoát nước tốt. Nhóm đất này rất thích hợp cho việc trồng cây ăn quả, nông lâm kết hợp (cao su, hồ tiêu, mía, thông, keo, màu...).

- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq): diện tích điều tra được phát triển trên nhiều loại đá mẹ khác nhau như granit, macma axit, trầm tích và biến chất. Đất có màu vàng nhạt do giàu Silic, thành phần cơ giới nhẹ. Độ dày tầng đất mặt trung bình, độ phì tự nhiên nghèo, khả năng thấm nước khá nhưng giữ nước kém.

- Đất xói mòn trơ sỏi đá (E): diện tích điều tra phân bố trên đất dốc, tầng mặt bị xói mòn rửa trôi. Đất này chỉ có khả năng sử dụng cho việc khai thác vật liệu xây dựng hoặc khoanh nuôi bảo vệ rừng. Diện tích này cần được phủ xanh sớm bằng các chương trình phát triển lâm nghiệp.

Ngoài ra, còn có một số diện tích đất nâu vàng trên phù sa cổ, đất nâu vàng trên sản phẩm dốc tụ... nhưng với diện tích không đáng kể.

Tài nguyên đất ở Phong Điền khá đa dạng trên cả 3 vùng sinh thái nên thích hợp với nhiều loại cây trồng, song việc canh tác hiện nay còn phân tán manh mún, điều kiện cơ giới hoá, thuỷ lợi hoá còn gặp nhiều khó khăn.

b) Tài nguyên nước

Huyện Phong Điền có nguồn nước mặt khá phong phú được cung cấp bởi 2 con sông lớn Ô Lâu và sông Bò. Ngoài ra còn có các sông nhánh, các ao, hồ, tràm, bàu... cùng với hệ thống đập phân bố khá dày đặc, đảm bảo đủ lượng nước phục vụ tốt cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Nguồn nước ngầm dồi dào đáp ứng được nhu cầu của nhân dân tuy nhiên cần có biện pháp đảm bảo vệ sinh, tránh bị nhiễm mặn, phèn và chất thải.

c) Tài nguyên rừng

Thảm thực vật rừng của huyện rất phong phú, đa dạng với nhiều chủng loại quý hiếm. Tổng diện tích có rừng trên địa bàn huyện là: 66.233,03 ha, chiếm 70,04% diện tích đất tự nhiên; trong đó chủ yếu là đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng. Rừng có các loại gỗ quý như lim, sến, mây,

song...và các loại động vật rừng: nai, khỉ... Tuy nhiên trong những năm gần đây rừng bị tàn phá mạnh do khai thác nhiều, phá rừng làm nương rẫy chưa được quản lý chặt chẽ. Tỷ lệ che phủ của rừng thấp, trữ lượng cây rừng chủ yếu tập trung ở núi cao, khả năng giữ nước đầu nguồn thấp.

d) Tài nguyên biển và đầm phá

Với chiều dài bờ biển khoảng 16 km, Phong Điền có nhiều chủng loại hải sản có giá trị kinh tế cao như: tôm hùm, cá thu, ... trữ lượng khai thác bình quân 1000 tấn/năm. Phong Điền có ưu thế về phát triển thủy sản ở cả 3 vùng: biển, đầm phá và nước ngọt. Vùng ven biển và vùng đầm phá có những đặc thù của hệ sinh thái ven bờ nên có khả năng nuôi tôm trên cát cho hiệu quả cao. Đặc biệt phá Tam Giang có thể nuôi trồng và đánh bắt nhiều loại thủy sản có giá trị như: tôm sú, cua... Vùng nước ngọt hiện đang triển khai nuôi cá bằng cách khoanh nuôi, sử dụng các hồ đập tự nhiên.

e) Tài nguyên khoáng sản

Huyện Phong Điền có nhiều mỏ đá vôi lớn tập trung ở Phong Xuân với trữ lượng đạt 240 triệu m³ thuận lợi cho việc phát triển ngành công nghiệp sản xuất xi măng các loại. Các mỏ titan, cát thủy tinh, than bùn đã đưa vào khai thác công nghiệp nhưng quy mô còn nhỏ; đây là một trong những nguồn lực góp phần cho phát triển nền kinh tế về lâu dài của huyện, tỉnh. Ngoài ra huyện còn có mỏ nước khoáng lớn ở Phong Sơn có khả năng sản xuất nước giải khát và phục vụ chữa bệnh.

g) Tài nguyên du lịch

Với những nét văn hóa truyền thống lâu đời, những di tích đấu tranh cách mạng trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ kết hợp với những cảnh quan đẹp như: phá Tam Giang, Hồ Quao, động A Đon, khe Me, suối nước khoáng Thanh Tân... đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch của huyện phát triển. Bên cạnh đó khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền là một nơi bảo tồn các loài động thực, vật quý hiếm có giá trị lớn trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học kết hợp với du lịch sinh thái tham quan. Huyện có nhiều bãi biển đẹp cần khai thác để phục vụ du lịch.

h) Tài nguyên nhân văn

Trên địa bàn huyện có nhiều dân tộc sinh sống nhưng chủ yếu là dân tộc Kinh và các dân tộc ít người như Pa Hi, Pa Cô, Vân Kiều. Phong Điền là huyện có truyền thống văn hóa lâu đời nằm trong vùng giao thoa văn hóa Việt - Chăm, các thế hệ cư dân ở đây đã sáng tạo nên nhiều thành tựu văn hóa vật thể như những công trình kiến trúc từ đình chùa đền miếu, lăng mộ đến nhà thờ các họ phái. Các di tích văn hóa lịch sử với mức độ cổ kính khác nhau có thể tìm thấy khắp các làng xã trong huyện. Những thành tựu văn hóa phi vật thể như các truyện kể dân gian, ca dao, hò vè, các lễ hội và trò chơi dân gian được lưu truyền

2.1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

- Môi trường nông thôn

+ Suy giảm về diện tích và chất lượng đất canh tác do lũ lụt và hạn hán, do sự xâm thực của nước biển. Đây là một thực tế kéo dài trong nhiều năm qua và diễn ra với quy mô ngày càng lớn do ảnh hưởng của thiên tai (lũ lụt, hạn hán,...) hàng năm hàng chục ha đất bị bồi lấp, bị nước mặn xâm nhập làm giảm diện tích đất canh tác.

+ Các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân đã và đang làm ô nhiễm môi trường như: lợi dụng quá mức phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Việc ứng dụng kỹ thuật canh tác thiếu hợp lý, đặc biệt ở các vùng đất cát và một số bộ phận dân cư đang sinh sống phụ thuộc vào đầm phá. Bên cạnh đó việc thiếu ý thức cũng như chưa có biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi và hoạt động sản xuất công nghiệp nhỏ ở khu vực nông thôn cũng có tác động xấu đến môi trường.

- Môi trường biển, ven bờ và đầm phá: môi trường biển, ven bờ và khu vực đầm phá đã và đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi nhiều hoạt động có khả năng gây ô nhiễm như: nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch được phê duyệt, quá trình khai thác bừa bãi tài nguyên biển, đầm phá bằng các phương pháp mang tính chất huỷ diệt môi trường biển như đánh mìn, xung điện làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái vùng đới bờ.

Hàng năm hiện tượng ngập lụt kéo theo ngọt hóa về mùa mưa và nhiễm mặn về mùa khô đã ảnh hưởng xấu đến môi trường đầm phá. Ngoài ra môi trường này còn đứng trước nguy cơ ô nhiễm do nước thải và các chất thải rắn chưa được xử lý từ các nơi thuộc lưu vực sông Bồ và sông Ô Lâu đổ về với số lượng lớn trước khi đổ ra biển.

- Vùng núi địa hình dốc, các sông suối ngắn nên về mùa mưa hay xảy ra xói lở.

2.1.4. Đánh giá chung

- Phong Điền là huyện cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Thừa Thiên Huế. Đô thị nằm trên các tuyến đường huyết mạch chính: Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường Cam lộ - Túy Loan, tuyến đường sắt Bắc – Nam, Tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây. Điều kiện giao thông khá thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt và đường thủy.

- Phong Điền là nơi hội tụ các tài nguyên thiên nhiên đa dạng: có vùng đồng bằng đất đai màu mỡ, vùng gò đồi giàu tiềm năng, có bờ biển dài 16km và gần 632ha diện tích đầm phá và nhiều hồ đập tự nhiên với các nguồn lợi thủy hải sản phong phú. Có tài nguyên khoáng sản khá phong phú, trữ lượng một số khoáng sản lớn đủ để đầu tư khai thác công nghiệp như đá vôi, than bùn, nước khoáng... tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp. - Phong Điền còn có thế mạnh về phát triển du lịch, với nhiều địa danh nổi tiếng như làng cổ Phước Tích,

suối nước khoáng Thanh Tân, chiến khu Hòa Mỹ, chùa Giác Lương... Bên cạnh đó, nơi đây được xem là cái nôi phát tích của nhiều làng nghề truyền thống, như nghề kim hoàn (Kế Môn, Điền Môn), nghề rèn (Phong Hiền), nghề gốm (Phước Tích)...Cảnh quan thiên nhiên đa dạng, thuận tiện phát triển du lịch tắm biển-nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái biển, đầm phá. Nhưng đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến môi trường sinh thái đang suy thoái nghiêm trọng gây ảnh hưởng đến đời sống sản xuất sinh hoạt của nhân dân.

- Những năm gần đây, Phong Điền được tỉnh quan tâm đầu tư đẩy mạnh phát triển công nghiệp; tăng cường cơ sở hạ tầng như như giao thông nông thôn, mạng lưới điện, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông... nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.2.1. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Cơ cấu chuyển dịch tích cực đúng hướng *công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp*. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng tâm và chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế. Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống có chuyển biến tích cực, ngành nghề đã được mở rộng và đa dạng hóa về sản phẩm, được thị trường tiếp nhận. Du lịch, dịch vụ đã trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương, các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng, chất lượng và hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu của địa phương. Dịch vụ thương mại phát triển mạnh, góp phần đảm bảo lưu thông, tiêu thụ hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và đời sống của nhân dân. Quy hoạch mạng lưới xăng dầu, mạng lưới chợ nông thôn và các điểm thương mại. Hệ thống chợ nông thôn được đầu tư nâng cấp. Nông nghiệp thu được kết quả cao. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, mức tăng trưởng bình quân hàng năm. Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp được xây dựng và triển khai đem lại kết quả tích cực. Đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng ổn định và phát triển. Tổng đàn gia súc, gia cầm tuy chưa đạt về mặt số lượng nhưng chất lượng đàn được cải thiện. Huyện đã chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ vào sản xuất; từng bước đẩy mạnh sản xuất các loại nông sản, hàng hóa theo nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao. Kinh tế rừng đã trở thành một nghề đưa lại thu nhập khá, nhiều trang trại kinh tế đạt hiệu quả cao.

2.2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tiếp tục phát huy vai trò là ngành kinh tế trọng tâm của địa phương; giá trị sản xuất tăng 18,1% so với năm 2022, đạt 105,3% so với kế hoạch, chiếm tỷ trọng 59% trong cơ cấu kinh tế.

Hiện nay, tại Khu công nghiệp Phong Điền đã thu hút được 25 dự án đầu tư (trong đó: 11 dự án đang hoạt động, 06 dự án đang triển khai xây dựng và 08 dự án đang chuẩn bị đầu tư) với tổng vốn đăng ký hơn 13.000 tỷ đồng, giải quyết việc làm, thu nhập ổn định cho khoảng hơn 17.000 lao động; tỷ lệ lấp đầy đạt 31%.

Hỗ trợ phát triển các sản phẩm của 08 làng nghề truyền thống được công nhận; hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, 04 điểm trưng bày sản phẩm. Đến nay, có 24 sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hoàn thành dự án nhà trưng bày, nhà truyền thống và triển khai dự án nhà máy sản xuất gốm Huế tại làng Mỹ Xuyên; liên kết, phát triển làng nghề đệm bàng Phò Trạch và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận để phục vụ phát triển du lịch cộng đồng; tạo điều kiện cho nhà đầu tư nghiên cứu dự án đầu tư Bến số 2, số 3 cảng Phong Điền. Tổ chức các Chương trình kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản và làng nghề gắn với hoạt động du lịch; tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại để thu hút đầu tư và phát triển thị trường.

Kêu gọi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Điền Lộc, hạ tầng cụm công nghiệp Điền Lộc 2, hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Xuân Mỹ. Đồng thời đề xuất mở rộng khu công nghiệp Phong Điền, hỗ trợ triển khai dự án xây dựng nhà máy, hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp, đầu tư hệ thống tiêu thoát nước tại khu công nghiệp và các hồ chỉ thị sinh học môi trường. Các nhà máy ngoài khu công nghiệp vẫn đang hoạt động ổn định và tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh như: Nhà máy xi măng Đồng Lâm, Nhà máy gạch Tuynel 1-5, các cơ sở chế biến các sản phẩm từ cát,...

b. Khu vực kinh tế thương mại, dịch vụ du lịch

Giá trị sản xuất tăng 21,5% so với năm 2022, đạt 107,7% so với kế hoạch, chiếm tỷ trọng 19% trong cơ cấu kinh tế.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch chương trình trọng điểm về phát triển du lịch, dịch vụ trong năm 2023. Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, khai thác và quản lý tốt các điểm du lịch cộng đồng, sinh thái. Đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất thiết yếu cho phát triển du lịch như ở làng cổ Phước Tích, thượng nguồn Ô Lâu (Hàm Heo), A Đon, Khe Me.... Rà soát các điều kiện để kêu gọi phát triển du lịch, dịch vụ khu vực nhà chồ Điền Hải. Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch Lễ hội “Hương xưa Làng cổ” năm 2023. Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 01/11/2017 của

Huyện ủy về Đề án phát triển du lịch, dịch vụ huyện Phong Điền giai đoạn 2017-2020. Trong năm 2023, toàn huyện đã thu hút được 145.358 lượt khách, doanh thu ước khoảng 48.700 triệu đồng.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý chợ, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, thực hiện dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở. Rà soát quỹ đất để kêu gọi nhà đầu tư tại các khu thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện. Triển khai đăng ký nhãn hiệu hàng hóa các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của huyện, đến nay có 35 sản phẩm được công nhận bảo hộ nhãn hiệu; xây dựng truy xuất nguồn gốc cho 4 sản phẩm đê mê và xây dựng 2 cơ sở trưng bày và giới thiệu sản phẩm đê mê Phò Trạch. Đẩy mạnh việc giới thiệu, bán các sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP qua sàn thương mại điện tử postmart.vn và voso.vn; mạng xã hội: zalo, facebook.

c) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Giá trị sản xuất tăng 9,3% so với năm 2022, đạt 101,1% so với kế hoạch, chiếm tỷ trọng 22% trong cơ cấu kinh tế. Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững theo hướng an toàn, ứng dụng công nghệ cao; tổ chức sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển các sản phẩm OCOP, nâng cao giá trị sản xuất.

- Trồng trọt:

Ổn định và phát triển các loại cây trồng chính, cụ thể:

- Cây lúa: diện tích lúa gieo cấy 9.708 ha đạt 99,8% kế hoạch, năng suất lúa bình quân đạt 62,134 tạ/ha, sản lượng 60.286 tấn, trong đó: duy trì diện tích sản xuất lúa theo hướng VietGap hơn 4.400 ha, theo tiêu chuẩn VietGap khoảng 384 ha, theo tiêu chuẩn hữu cơ 25,4 ha và theo hướng hữu cơ 9,8 ha. Đã tiến hành khảo nghiệm, sản xuất thử các giống lúa mới bước đầu mang lại hiệu quả (giống HG12 và HG244) để thay thế dần một số giống lúa lâu năm, bị thoái hóa (TH5, Khang dân,...) nhờ vậy năng suất, chất lượng và sản lượng năm 2023 tăng lên đáng kể, lúa chất lượng cao đạt 30% diện tích gieo cấy.

- Các loại cây trồng khác: Cây lạc 714 ha/820 ha (KH), cây sắn 850 ha/700 ha (KH), cây sen 230/370 ha, cây nếp, Kiệu 160 ha, cây rau 200 ha, đậu đỗ các loại 500 ha, cây ăn quả 511 ha, cây cao su hiện có 754 ha, sinh trưởng phát triển bình thường, được liệu 182,5 ha; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi 20,6 ha đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng sen lấy hạt ở xã Điện Hòa. Đã xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao giai đoạn 2022-2030.

- Chăn nuôi:

Tập trung phát triển tổng đàn theo kế hoạch, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và vật nuôi để có biện pháp xử lý kịp

thời khi dịch bệnh xảy ra, không để lây lan gây thiệt hại cho người chăn nuôi. Đàn trâu 2.465con (đạt 98% KH); đàn bò 3.910con (đạt 97% KH); đàn lợn 30.130 con (đạt 86% KH); đàn gia cầm 450.000 con (đạt 98% KH). Trên địa bàn hiện có 28 trang trại chăn nuôi.

Triển khai Đề án chăn nuôi lợn tập trung kết hợp với trồng trọt theo hướng an toàn sinh học giai đoạn 2021-2025, đến nay đã thẩm định quy hoạch cho 02 xã Phong Hiền, Phong Thu, dự kiến hoàn thành trong năm 2023; đồng thời hướng dẫn xây dựng quy hoạch ở xã Điền Môn và Điền Hải.

- Thủy sản:

Hoạt động nuôi trồng, đánh bắt thủy sản ngày càng đi vào nề nếp. Diện tích nuôi trồng thủy sản trong năm 2023 ước đạt 481,2 ha, tăng 62,2 ha so với cùng kỳ năm 2022, đạt 80,02 % so với kế hoạch 2023. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 4.686, 6 tấn (đạt 73,4% so với kế hoạch); tình hình dịch bệnh ổn định. Tích cực chỉ đạo tạo mọi điều kiện thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nuôi trồng thủy hải sản công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị sản xuất, đồng thời giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đến môi trường.

- Lâm nghiệp:

Trong năm 2023, diện tích rừng khai thác và trồng mới khoảng 1000 ha. Hoàn thành công tác bán đấu giá diện tích rừng sản xuất do tỉnh chuyển giao và ban giao đất rừng cho các địa phương quản lý, sử dụng theo quy định. Tiếp tục tuyên truyền các hộ gia đình, các tổ chức doanh nghiệp tham gia trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ FSC, thực hiện tốt công tác PCCCR. Hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng Bến cảng Phong Điền, cụm công nghiệp Điền Lộ 2. Rà soát quy hoạch lại 03 loại rừng trên địa bàn. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 57%.

(Nguồn: Báo cáo số 665/KH-UBND của UBND huyện Phong Điền ngày 04/12/2023 về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024.)

2.2.3. Thực trạng phát triển xã hội

2.2.2.1. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

Tổng dân số toàn huyện năm 2023 là 105.1597 người (bao gồm cả dân số quy đổi từ khách du lịch, lao động tạm trú trên địa bàn, lực lượng công an, quân đội...). Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở thị trấn, các xã đồng bằng ven thị trấn, ven biển. Trên địa bàn huyện, có 3 dân tộc sinh sống gồm dân tộc Kinh, Pa Hi, Pa Cô. Trong tương lai cần làm tốt công tác giải quyết việc làm cho người lao động đồng thời đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động.

(Nguồn: Công văn số 3177/CAT-QLHT ngày 15/5/2024 của công an Tỉnh Thừa Thiên Huế)

2.2.2.2. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

Hạ tầng kỹ thuật khu nội thị được nâng cấp, đầu tư khá đồng bộ. Các dịch vụ công cộng phát triển đáng kể. Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thị trấn khu vực ngã tư giao giữa Quốc lộ 1A và đường tỉnh 9, khu vực An Lỗ, Điền Lộc để đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với sự phát triển khu công nghiệp và các ngành dịch vụ. Tăng cường công tác quản lý xây dựng đô thị nhằm đảm bảo bộ mặt đô thị đẹp, tạo điểm nhấn cho cửa ngõ phía Bắc của tỉnh.

Nhìn chung hình thái phân bố dân cư trên địa bàn huyện theo tổ dân phố, theo thôn, dân cư chủ yếu tập trung hai bên các trục đường quốc lộ, liên xã, liên thôn. Dân cư sống tập trung ở vùng đồng bằng, vùng ven biển, còn ở vùng miền núi dân cư sinh sống thưa thớt hơn.

Trong những năm qua cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn đã được cải thiện và phát triển thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương, của tỉnh, huyện và từ đầu tư, đóng góp của nhân dân. Vùng các xã nông nghiệp đã tập trung xây dựng hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh, xây dựng trạm bơm và kiên cố hoá kênh mương, đê bao; thực hiện tốt các chương trình chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, hoàn thành công tác dồn điền đổi thửa; nhựa hoá đường tỉnh, bê tông hoá cơ bản đường giao thông nông thôn, chương trình nước máy và nước sạch.

2.2.2.3. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

Trong những năm qua, Phong Điền đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, xây mới, nâng cấp cải tạo nhiều công trình cấp điện, nước, thủy lợi, giao thông, bưu chính viễn thông, trường học, trạm y tế,... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, với sự gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá ngày càng cao nên nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Do đó trong những năm tới cần tiếp tục đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ.

*** Giao thông**

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện phát triển khá đồng bộ và toàn diện, một phần do được chính quyền các cấp hết sức quan tâm và ưu tiên đầu tư, một phần do nhân dân nỗ lực đóng góp. Hệ thống giao thông gồm các tuyến: quốc lộ, đường sắt, đường tỉnh, đường huyện đã tương đối đáp ứng được nhu cầu về giao thông vận tải của huyện. Các tuyến giao thông nông thôn gồm: đường liên thôn liên xã, đường nội đồng từng bước được nhựa hoá, bê tông hoá. Hệ thống đường thủy gồm: Sông Bồ, sông Ô Lâu và phá Tam Giang tất cả đều được đầu tư và khai thác tốt.

* Hệ thống giao thông đường bộ: Các tuyến giao thông đường bộ đã được kết nối thành mạng lưới giao thông liên hoàn, phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, trong đó:

+ Các tuyến quốc lộ bao gồm:

- Quốc lộ 1A có điểm đầu là Km 791A+500, điểm cuối Km 807+100, chiều dài 15,6 km.

- Quốc lộ 49B có điểm đầu là Km 0+734 (Cầu Phước Tích), điểm cuối Km 28+ 500 (giáp ranh với xã Quảng Ngạn), chiều dài 27,266 km.

- Đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn có điểm đầu là km 37+300; điểm cuối là km 61+100; có chiều dài 23,8 km.

+ với tổng chiều dài là 78,27 km. Hiện tại, các tuyến đường tỉnh trên địa bàn đều được bê tông hoá, nhựa hoá và có năng lực thông hành cao. Hệ thống đường tỉnh đạt cấp đường từ cấp VI - V đồng bằng.

Toàn huyện hiện có 32 tuyến đường tỉnh, đường huyện đi qua với tổng chiều dài 256,11 km. Các tuyến tỉnh lộ trên địa bàn gồm đường tỉnh 11A, 11B, 11C, 17, 4, 6 và 9 và các tuyến đường huyện lộ đều được nhựa hoá, bê tông hoá, đạt cấp đường từ cấp VI - V đồng bằng, có năng lực lưu thông cao, phục vụ tốt hoạt động vận tải trên địa bàn. 2+ Các tuyến đường nội thị trên địa bàn huyện Phong Điền hiện đang được xây dựng và đang tuân thủ quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Giao thông nông thôn đã được đầu tư bê tông hóa tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong sinh hoạt, trao đổi hàng hóa.

+ Hệ thống cầu cống nhìn chung tương đối ổn định. Ngoài hai cầu lớn là: cầu An Lỗ ranh giới giữa thị xã Hương Trà và huyện Phong Điền còn có thêm cầu Phò Trạch, cả hai cầu này đều nằm trên tuyến đường quốc lộ 1A.

+ Hệ thống giao thông đường sắt dài 17 km chạy qua với hai điểm dừng chính là ga Hiền Sĩ và ga Phò Trạch.

- Hệ thống giao thông đường thủy

+ Đường sông chủ yếu phục vụ vận tải nhỏ, chuyên chở hàng hoá tới các chợ quê. Chất lượng luồng lạch còn rất kém, cần phải nạo vét, khơi thông dòng chảy mới đảm bảo chuyên chở hàng hoá.

+ Đường biển: Với gần 16 km chiều dài bờ biển, đây là điều kiện thuận lợi cho các xã bãi ngang làm nghề đánh bắt hải sản. Đồng thời xây dựng các bãi tắm, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch sinh thái phục vụ du khách trong và ngoài nước.

- Đàm phá trên địa bàn tương đối lớn là lợi thế về nhiều mặt của tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và huyện Phong Điền nói riêng. Ngoài việc cung cấp nguồn lợi thủy sản, đàm phá còn là tuyến giao thông thủy rất thuận tiện, nối liền các huyện trong khu vực; giúp các huyện giao lưu, trao đổi các loại sản phẩm hàng

hoá như: lương thực, thực phẩm, công nghệ phẩm, hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, phân bón, hoá chất, vật liệu xây dựng...

Đặc biệt, đối với khu vực đầm phá, huyện cần tập trung xây dựng và phát triển kinh tế xã hội vùng đầm phá Tam Giang (xã Điện Hòa, Điện Hải) trở thành vùng phát triển kinh tế năng động toàn diện bao gồm: du lịch, thủy sản, nông lâm, dịch vụ, chế biến... Mở rộng các loại hình kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng, phát triển mô hình kinh tế trang trại trên vùng cát nội đồng, góp phần phát triển chung nền kinh tế toàn tỉnh và của huyện Phong Điền.

*** Thủy lợi**

Các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đã được chú trọng đầu tư xây dựng, đang bước vào thời kỳ phát huy tác dụng, đã tạo điều kiện khai hoang, tăng vụ, tăng khả năng sản xuất của đất chủ động trong tưới tiêu. Đã triển khai đầu tư xây dựng công trình thủy lợi như: trạm bơm Cồn Nổi xã Phong Chương, đập Cây Mung và trạm bơm Cổ Xuân xã Phong Xuân, đê Vân Trình xã Phong Bình, trạm bơm Tây Chợ xã Điện Hoà, kênh tiêu thoát lũ xã Phong Chương, ... Các công trình sửa chữa, khắc phục xuống cấp đang được khẩn trương lập hồ sơ khảo sát thiết kế để thẩm tra, thẩm định và triển khai thi công kịp thời.

*** Năng lượng**

Phong Điền là một trong những huyện của tỉnh hoàn thành sớm chương trình phủ điện nông thôn. Mạng lưới điện quốc gia đã phủ tất cả các xã, 100% số xã có điện. Ngoài mục tiêu phục vụ sinh hoạt, điện cũng đã đến được nâng cao qua nhiều cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn huyện. Nguồn cung cấp điện hiện tại của huyện chủ yếu là qua đường dây 22kV, sắp tới sẽ xây dựng thêm trạm biến áp 110kV và 220kV góp phần đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của tổ chức, hộ gia đình trên đại bàn huyện.

*** Bưu chính viễn thông**

Hệ thống thông tin liên lạc từng bước mở rộng và hiện đại hóa. Hiện nay 100% số xã có điện thoại... Thông tin liên lạc ngày càng thuận lợi hơn thông qua các dịch vụ như: mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel,...

*** Cơ sở văn hóa**

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển và là mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội, ngành văn hóa thông tin huyện Phong Điền đã không ngừng củng cố và phát triển. Nhằm tiếp tục củng cố phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

Các thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư, nhất là hệ thống truyền thanh, nhà sinh hoạt cộng đồng ở các thôn, bản.

*** Giáo dục**

Quy mô, mạng lưới trường, lớp các bậc học, ngành học phát triển rộng khắp, phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh, của huyện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ và ngày càng hoàn thiện. Các điều kiện về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trường học không ngừng được tăng cường, bổ sung hàng năm. Đến nay, cơ bản đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên; 100% xã, thị trấn có trường học cao tầng. Theo số liệu thống kê ngành giáo dục năm 2015, huyện có 25 trường mầm non, 27 trường tiểu học, 15 trường trung học cơ sở, 04 trường trung học phổ thông. Chất lượng giáo dục ở các bậc học, ngành học được nâng lên; giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS, phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi. Luôn quan tâm lãnh, chỉ đạo xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác xã hội hóa giáo dục có chuyển biến tích cực.

*** Y tế, dân số**

Công tác y tế, dân số có nhiều tiến bộ. Việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm đúng mức, đảm bảo mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ y tế và từng bước tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật cao. Chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm, hạn chế tới mức thấp nhất tỷ lệ mắc bệnh và tử vong. Mạng lưới y tế của huyện Phong Điền tiếp tục được tăng cường cả về trang thiết bị và nguồn nhân lực, đã nêu cao ý thức và tinh thần phục vụ của đội ngũ y bác sĩ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số và các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

*** Thể dục thể thao**

Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn được phát triển mạnh, tăng cường giáo dục thể chất trong nhà trường, mở rộng các loại hình luyện tập thể dục thể thao trong nhân dân nhằm nâng cao sức khỏe. Các hoạt động lễ hội dân gian được duy trì, nhiều hoạt động như văn nghệ, đua ghe, thi đấu cầu lông, quần vợt, bóng chuyền, bóng đá và các trò chơi dân gian khác tiếp tục phát huy tốt. Tổ chức mít tinh, tọa đàm, gặp mặt kỷ niệm, tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, thi đấu giao hữu thể dục thể thao,... tạo ra sân chơi lành mạnh, bổ ích nhằm nâng cao thể chất, trau dồi sức khỏe, hạn chế bệnh tật, đẩy lùi tệ nạn xã hội xâm nhập trong giới trẻ, tạo nên diện mạo mới, sức bật mới, tạo được khí thế phấn khởi, tin tưởng, khơi dậy truyền thống cách mạng của quê hương, góp phần giữ vững sự ổn định về tư tưởng chính trị.

*** Quốc phòng, an ninh**

- Quốc phòng

Công tác quốc phòng và quân sự địa phương được tăng cường. Tập trung xây dựng lực lượng đủ về số lượng và nâng cao chất lượng. Hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân và kế hoạch diễn tập hàng năm. Tăng cường các hoạt động giáo

dục quốc phòng và huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ. Làm tốt công tác hậu phương quân đội. Thực hiện có kết quả công tác xây dựng xã, thị trấn, đơn vị cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu.

Tình hình an ninh chính trị ổn định. Kịp thời nắm, xử lý tình hình, không để xảy ra đột biến, bất ngờ, hình thành “điểm nóng”, nhất là an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn. Đã chủ động phòng ngừa và tấn công tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, hạn chế tai nạn, tệ nạn; có nhiều cố gắng kiềm chế tai nạn giao thông. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh. Công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, buôn lậu và gian lận thương mại được quan tâm.

Gắn chặt thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng quân đội và công an luôn vững mạnh về chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân. Lực lượng công an, quân sự, các ngành nội chính, mặt trận và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, an ninh.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2023

Thực hiện Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021,2022,2023,2024.

Đến nay công tác thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất đã được triển khai cơ bản theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cơ bản sát với mục tiêu quy hoạch đề ra.

Bảng 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất giữa Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, huyện Phong Điền được duyệt và kết quả thực hiện đến 31/12/2023

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích QH SDD được duyet theo Quyết định số 1000 /QĐ- UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh	Thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			94.566,11	94.566,11	-	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	77.670,19	79.977,49	2.307,30	102,97
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.530,98	5.727,84	196,86	103,56
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	5.512,14	5.661,91	149,77	102,72
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.242,70	2.516,79	274,09	112,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.824,59	4.336,50	-488,09	89,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.504,24	7.386,39	-1.117,85	86,86
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	36.107,51	34.947,99	-1.159,52	96,79
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	18.606,41	23.898,65	5.292,24	128,44
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	3.796,57	3.796,56	-0,01	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	961,65	916,12	-45,53	95,27
1.8	Đất làm muối	LMU				-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	892,11	247,21	-644,90	27,71
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	16.276,25	11.893,75	-4.382,50	73,07
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	171,87	108,89	-62,98	63,36
2.2	Đất an ninh	CAN	17,91	8,01	-9,90	44,72
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	924,00	390,60	-533,40	42,27
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	165,08	0,00	-165,08	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.025,99	58,93	-967,06	5,74
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	151,82	86,56	-65,26	57,01
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	826,73	49,24	-777,49	5,96
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	967,86	551,39	-416,47	56,97
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.058,29	6.788,78	-1.269,51	84,25
	Trong đó:					
	- Đất giao thông	DGT	2.207,23	1.898,44	-308,79	86,01
	- Đất thủy lợi	DTL	1.280,64	1.261,94	-18,70	98,54
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,10	2,41	-12,69	15,96
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	32,23	14,75	-17,48	45,76
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	131,94	119,47	-12,47	90,55
	- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	64,49	47,89	-16,60	74,26
	- Đất công trình năng lượng	DNL	1.975,91	1.398,12	-577,79	70,76
	- Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,51	1,51	-	100,00
	- Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,04	3,51	-0,53	86,88
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,01	3,31	-11,70	22,05
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,35	16,49	0,14	100,86
	- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2.126,36	1.994,56	-131,80	93,80
	- Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	175,09	16,89	-158,20	9,65
	- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,22	0,22	0,00	-
	- Đất chợ	DCH	12,17	9,27	-2,90	76,17
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,00	12,20	-0,80	93,85
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	10,87	3,92	-6,95	36,06
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	506,63	991,38	484,75	195,68
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	844,24	72,33	-771,91	8,57
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,35	13,20	-7,15	64,86
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,38	3,00	-0,38	88,76
2.17	Đất xây dựng trụ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	149,59	149,73	0,14	100,09
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.071,98	1.100,09	28,11	102,62
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.342,29	1.501,15	158,86	111,83
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,37	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	619,67	2.694,87	2.075,20	434,89

Ghi chú: (*) không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

3.1.1. Đất nông nghiệp**Bảng 02: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích QH SDD được duyệt theo Quyết định số 1000 /QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh	Thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	77.670,19	79.977,49	2.307,30	102,97
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.530,98	5.727,84	196,86	103,56
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	5.512,14	5.661,91	149,77	102,72
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.242,70	2.516,79	274,09	112,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.824,59	4.336,50	-488,09	89,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.504,24	7.386,39	-1.117,85	86,86
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	36.107,51	34.947,99	-1.159,52	96,79
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	18.606,41	23.898,65	5.292,24	128,44
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	3.796,57	3.796,56	-0,01	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	961,65	916,12	-45,53	95,27
1.8	Đất làm muối	LMU				-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	892,11	247,21	-644,90	27,71

Chỉ tiêu đất nông nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 77.670,19 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 79.977,49 ha, cao hơn 2.307,30 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do một số công trình đất phi nông nghiệp cần chuyển từ đất nông nghiệp chưa thực hiện được. Trong đó:

+ **Đất trồng lúa:**

Chỉ tiêu đất trồng lúa theo Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt là 5.530,98 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 5.727,84 ha, thấp hơn 196,86 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Diện tích đất trồng lúa chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp như đất ở, đất sản xuất kinh doanh, đất giao thông thủy lợi,... chưa thực hiện hết, đến nay đã thực hiện các công trình được chuyển mục đích từ đất trồng lúa như: Khu dân cư thôn Giáp Nam (cạnh cây xăng Điền Lộc); Khu dân cư xứ Ma Đa- thôn Bò Điền; Khu dân cư thôn Nhì Đông 2 xã Điền Lộc; Hạ tầng khu dân cư Trung tâm thương mại thôn 2 Kế Môn; Chính trang khu dân cư các thôn Bắc Triều Vịnh, Cao Ban - Trông Cầu - La Vần, An Lỗ và Sơn Tùng (đã làm 4,45 ha) xã Phong Hiền; Hạ tầng khu dân cư xen ghép Tân Bình xã Phong Bình; Chính trang khu dân cư Bò Điền xã Phong An; Khu dân cư Xạ Biều (giai đoạn 2); Khu dân cư Nhất Tây - giai đoạn I, II; Hạ tầng phát triển quỹ đất khu dân cư xứ Cồn Khoai, thôn An Lỗ, xã Phong Hiền (Giai đoạn 2); Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Tư (khu A và khu B); Hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực tái định cư xã Điền Hải; Cơ sở công an huyện Phong Điền; Chính trang khu trung tâm Điền Hải; Khu tái định cư xã Điền Lộc phục vụ tái định cư Dự án đường cứu hộ, cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điền Lộc, Thị trấn; Đường cứu nạn cứu hộ Phong Điền-Điền Lộc; Đường trục chính trung tâm thị trấn Phong Điền; Đường vào cầu Huỳnh Liên - Vân Trạch Hòa Thị trấn; Xây dựng công trình đường từ thôn Xuân Lộc đi thôn Hiền An-Bến Cui xã Phong Xuân; Nâng cấp, sửa chữa đập Hào xã Phong

Hòa Công trình Mở rộng đường Tỉnh 6 qua thị trấn Phong Điền - Phong Thu (giai đoạn 2); Công trình Mở rộng đường Tỉnh 6 qua thị trấn Phong Điền - Phong Thu (giai đoạn 2) Giải phóng mặt bằng để Gia cố mái taluy nền đường Km7+200 ÷ Km7+440; Km16+230 ÷ Km17+220 và Km18+52 ÷ Km19+150 trên Quốc lộ 49B đoạn qua xã Phong Bình, Điền Môn, Điền Lộc; Chính trang đường trục xã từ Cầu Kẽm - Hiền Lương - Sơn Tùng - Cao Ban, xã Phong Hiền; Sân vận động xã Phong Bình; Chính trang đường từ QL49B vào đường liên xã Điền Môn; Chính trang đường từ QL49B đến đường 68 (Giáp khu vực TĐC xóm Chồ) xã Điền Hải; Mở rộng đường từ trạm điện đến cửa ông Hồ Cho thôn phường Hóp; Mở rộng đường từ QL49B đến thôn Niêm, xã Phong Hòa; Mở rộng đường trục xã Phong Chương từ TL6 nối TL8C; Hệ thống đê nội đồng kết hợp giao thông xã Phong Chương; Kè chống sạt lở 02 bên hói Trung Thạnh, xã Phong Bình; Chính trang đường liên xã Phong Thu - Phong Mỹ, xã Phong Thu; Mở rộng đường DD6, thị trấn Phong Điền; Chính trang trục đường vào khu trung tâm văn hóa xã Điền Hòa (Từ QL49B vào đường Hương thôn),...

+ Đất trồng cây hàng năm khác:

Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 2.242,70 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 2.516,79 ha, cao hơn 274,09 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do một số công trình dự án trong quy hoạch dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang nhưng chưa đưa vào thực hiện trong kế hoạch hàng năm.

+ Đất trồng cây lâu năm:

Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 4.824,59 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 4.336,50 ha, thấp hơn 488,09 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do trong kỳ quy hoạch đất trồng cây lâu năm có quy hoạch tăng cho đề án trồng cây ăn quả của huyện nhưng vẫn chưa thực hiện được. Bên cạnh đó một số công trình dự án trong quy hoạch dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang nhưng vẫn chưa đưa vào thực hiện trong kế hoạch hàng năm.

+ Đất rừng phòng hộ:

Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 8.504,24 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 7.386,39 ha, thấp hơn 1.117,85 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030, có một số vùng đất rừng sản xuất của công ty TNHH NN1TV lâm nghiệp Phong Điền được quy hoạch sang đất rừng phòng hộ nhưng đến nay dự án này vẫn chưa thực hiện được. Như vậy kết quả thực hiện năm 2023 đối với chỉ tiêu đất rừng phòng hộ đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Bên cạnh đó một số công trình dự án trong quy hoạch dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất từ rừng phòng hộ vẫn chưa đưa vào thực hiện trong kế hoạch hàng năm như: Các dự án tại khu

vực xã Điền Hoà; dự án bên cảng Phong Điền, Khu du lịch nghỉ dưỡng, bảo tàng thiên nhiên và sân golf Ngũ Hồ, Cụm công nghiệp Điền Lộc 2, bãi bắn biển Điền Hương, Khu TMDV đối diện cụm công nghiệp Điền Lộc, Khu đô thị du lịch ven biển (Dự án khu phức hợp du lịch, đô thị Điền Lộc),...

+ Đất rừng đặc dụng:

Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 36.107,51 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 34.947,99 ha, thấp hơn 1.159,52 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030, có một số vùng đất rừng sản xuất được quy hoạch sang đất rừng đặc dụng nhưng đến nay dự án vẫn chưa thực hiện được. Như vậy kết quả thực hiện năm 2023 đối với chỉ tiêu đất rừng đặc dụng đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất rừng sản xuất:

Chỉ tiêu đất rừng sản xuất theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 18.606,41ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 23.898,65 ha, cao hơn 5.292,24 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do một số công trình dự án lớn có nhu cầu chuyển từ đất rừng sản xuất sang vẫn chưa thực hiện được như: Tổ hợp Khu ở kết hợp vui chơi giải trí đa năng và sân Golf cao cấp Phong Hiền; Khu đô thị du lịch nước khoáng nóng và sân golf Thanh Tân xã Phong Sơn; Khu du lịch nghỉ dưỡng, bảo tàng thiên nhiên và sân golf Ngũ Hồ; Khu đô thị du lịch ven biển (Dự án khu phức hợp du lịch, đô thị Điền Lộc), Khu du lịch Bàu Cỏ, các mỏ đá vôi và phụ gia xi măng ở Phong Xuân, Phong Mỹ, các mỏ cát ở các xã Phong Hòa, Phong Bình, Phong Chương, các mỏ đất san lấp Phong An, Phong Thu, Phong Sơn, các trang trại, các khu chăn nuôi tập trung các xã, nông nghiệp công nghệ cao ở Phong Sơn, Khu công viên nghĩa trang huyện xã Phong Thu, Quy hoạch và đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa Triều Dương, các khu đô thị, khu dân cư sinh thái phía Tây Thị trấn, Khu đô thị sinh thái hồ Cây Mang, Dự án khu dân cư – dịch vụ Khu công nghiệp Phong Điền tại xã Phong Hiền,...

+ Đất nuôi trồng thủy sản:

Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 961,65 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 916,12 ha, thấp hơn -45,53 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do trong kỳ quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản có quy hoạch tăng nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Quy hoạch nuôi trồng thủy sản 1-3 (CP mở rộng); Quy hoạch nuôi trồng thủy sản Thôn Trung Đồng (tiểu khu 1- 4, 1-5; 1-13); Khu nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao tại xã Điền Hương; Quy hoạch nuôi trồng thủy sản thôn Hải Đông và thôn Hải Thề,...

+ Đất nông nghiệp khác:

Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 892,11 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 247,21 ha, thấp hơn -644,90 ha

so với Quy hoạch sử dụng đất do đến nay chỉ thực hiện được trang trại tại xã Phong An còn lại các khu chăn nuôi tập trung, các trang trại, các khu nông nghiệp công nghệ cao ở các xã, thị trấn đến nay vẫn chưa thực hiện được.

3.1.2. Đất phi nông nghiệp

Bảng 03: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích QH SDD được duyệt theo Quyết định số 1000 /QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh	Thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	16.276,25	11.893,75	-4.382,50	73,07
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	171,87	108,89	-62,98	63,36
2.2	Đất an ninh	CAN	17,91	8,01	-9,90	44,72
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	924,00	390,60	-533,40	42,27
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	165,08	0,00	-165,08	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.025,99	58,93	-967,06	5,74
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	151,82	86,56	-65,26	57,01
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	826,73	49,24	-777,49	5,96
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	967,86	551,39	-416,47	56,97
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.058,29	6.788,78	-1.269,51	84,25
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	2.207,23	1.898,44	-308,79	86,01
-	Đất thủy lợi	DTL	1.280,64	1.261,94	-18,70	98,54
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,10	2,41	-12,69	15,96
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	32,23	14,75	-17,48	45,76
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	131,94	119,47	-12,47	90,55
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	64,49	47,89	-16,60	74,26
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.975,91	1.398,12	-577,79	70,76
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,51	1,51	-	100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,04	3,51	-0,53	86,88
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,01	3,31	-11,70	22,05
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,35	16,49	0,14	100,86
-	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2.126,36	1.994,56	-131,80	93,80
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	175,09	16,89	-158,20	9,65
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,22	0,22	0,00	-
-	Đất chợ	DCH	12,17	9,27	-2,90	76,17
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,00	12,20	-0,80	93,85
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	10,87	3,92	-6,95	36,06
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	506,63	991,38	484,75	195,68
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	844,24	72,33	-771,91	8,57
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,35	13,20	-7,15	64,86
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,38	3,00	-0,38	88,76
2.17	Đất xây dựng trụ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	149,59	149,73	0,14	100,09
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.071,98	1.100,09	28,11	102,62
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.342,29	1.501,15	158,86	111,83
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,37	-	-	-

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 16.276,259 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 11.893,75 ha, thấp hơn 4.382,50 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Trong đó:

+ Đất quốc phòng:

Chỉ tiêu đất quốc phòng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 171,87 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 108,89 ha, thấp hơn 62,98 ha so với Quy

hoạch sử dụng đất do trong giai đoạn đến 2023 chỉ có Tổng cục II ở Phong Hải đã thực hiện xong thủ tục giao đất cho quốc phòng còn lại các khu căn cứ ở Phong Thu, thị trấn, kho cất dầu vũ khí ở Phong Mỹ, các bãi bắn biển,...thì vẫn chưa thực hiện.

+ Đất an ninh:

Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 17,91 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 8,01 ha, thấp hơn 9,90 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do công an các xã, thị trấn đến nay vẫn thực hiện chưa hết hoặc đã xây dựng nhưng vẫn chưa làm thủ tục giao đất.

+ Đất khu công nghiệp:

Chỉ tiêu đất khu công nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 924,00 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 390,60 ha, thấp hơn 533,40 ha so với Quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất cụm công nghiệp:

Chỉ tiêu đất cụm công nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 165,08 ha, thực hiện đến 31/12/2023 vẫn chưa được thực hiện, thấp hơn 165,08 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do các cụm công nghiệp Điền Lộc, Điền Lộc 2, Sơn Xuân Mỹ đến nay vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất thương mại, dịch vụ:

Chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.025,99 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 58,93 ha, thấp hơn 967,06 ha so với Quy hoạch sử dụng đất .

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 151,82 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 86,56 ha, thấp hơn 65,26 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do các công trình dự án như: giao đất lại làng nghề Mỹ Xuyên xã Phong Hòa và các điểm sản xuất tập trung, các khu tập trung sản xuất ở các xã, thị trấn đến nay vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 826,73 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 49,24 ha, thấp hơn 777,49 ha so với Quy hoạch sử dụng đất, do Cho thuê đất khai thác khoáng sản Than bùn (Đức Tích - Triều Dương) chỉ mới thực hiện được 37,65 ha, mỏ than bùn ở Phong Chương, mỏ sét Phong An, Phong Mỹ, mỏ đá vôi Phong Xuân, mỏ sét đen làm phụ gia xi măng, mỏ quặng sắt Laterit làm phụ gia xi măng, các mỏ cát các xã Phong Hòa Phong Hiền, Phong Chương,... vẫn chưa thực hiện được.

+ Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Chỉ tiêu đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 967,86 ha, đến 31/12/2023 là 551,39 ha, thấp hơn

416,47 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do dự án Khai thác khoáng sản cát nội đồng làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xã Phong Hiền, Đất làm vật liệu san lấp đồi Vũng Nhựa, Đất làm vật liệu san lấp Hồ La Ngà, Đất làm vật liệu san lấp khu vực Động Đá (vị trí 2), các bãi tập kết vật liệu,... đến nay vẫn chưa thực hiện được

+ Đất phát triển hạ tầng:

Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 8.058,29 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 6.788,78 ha, thấp hơn 1.269,51 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Cụ thể:

• Đất giao thông:

Chỉ tiêu đất giao thông theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 2.207,23 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.898,44 ha, thấp hơn 308,79 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do đến nay chỉ mới thực hiện được một số tuyến đường giao thông như: Mở rộng đường trung tâm tổ dân phố Trạch Tả thị trấn, Chính trang đường đất đỏ, Mở rộng đường từ TL6 đến TPD Trạch Tả (sau ga Phò Trạch ra đến TL6 ở Trạch Tả), Chính trang đường khu vực trung tâm chính trị huyện, Công trình điện chiếu sáng, vỉa hè, thoát nước đường tỉnh lộ 6, Giải phóng mặt bằng Đường vào cầu Huỳnh Liên - Vân Trạch Hòa thuộc tổ dân phố Vĩnh Nguyên, thị trấn Phong Điền, Chính trang khu trung tâm thị trấn Phong Điền thị trấn Phong Điền; Mở rộng đường từ Trạm điện đến nhà ông Hồ Cho xã Phong An; Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị, Đường nối từ đường cứu hộ, cứu nạn thị trấn Phong Điền đi thôn La Vân xã Phong Hiền; Đường giao thông từ QL 49B vào trung tâm văn hóa xã thôn 6, Chính trang trục đường vào khu trung tâm văn hóa xã Điền Hòa (từ QL49B vào đường hương thôn) xã Điền Hòa; Mở rộng đường liên xã qua xã Điền Lộc (lộ giới 19,5 m), Chính trang đoạn từ QL 49B vào đường liên xã Điền Lộc (5 tuyến) xã Điền Lộc; Chính trang đường từ Quốc lộ 49B đến đường 68 xã Điền Hải; Chính trang khu trung tâm Phong Hòa, Đường dân sinh kết hợp sản xuất tập trung thôn Đức Phú, Đường từ nhà Bà Quý đến nhà ông Hiệp 7,5m, Nâng cấp đường giao thông phục vụ sản xuất, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển trang trại từ đập Mỹ Xuyên đến Ưu Thượng, Nâng cấp đường giao thông phục vụ sản xuất, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển trang trại từ đập Thiềm đến thôn Đức Phú xã Phong Hòa, Cải tạo điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông Quốc lộ 49B đoạn từ Km 0+774 đến Km 0+827 thuộc địa bàn thôn Phước Phú, xã Phong Hòa; Mở rộng đường trục xã Phong Chương từ TL6 nối TL8C, Đường vào và khuôn viên lăng mộ Nguyễn Tri Phương, Hệ thống giao thông nối TL6 - Đường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền Điền Lộc; Đường giao thông thôn Hòa Viện, xã Phong Bình; Đường liên thôn phát triển sản xuất Thanh Hương Tây - Thanh Hương Đông xã Điền Hương; Đường tỉnh lộ 9 nối khu tái định cư Cam Lộ - La Sơn, Đường Lâm sinh Khe Mạ nối Khe Thiềm xã Phong Mỹ.

- Đất thủy lợi:

Chỉ tiêu đất thủy lợi theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.280,64 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.261,94 ha, thấp hơn 18,70 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do đến nay chỉ mới thực hiện được một số công trình, dự án như: Công trình trạm bơm nước thô và đường ống cấp nước thô thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước tại khu công nghiệp Phong Điền-Viglacera thị trấn Phong Điền; Công trình hệ thống kênh tiêu (Ngoại Sang, Cồn Lôi, Đát Tây, Đông Cát, Mỹ Phú, Đát Nhất - Đông Hùng), Hệ thống đê bao nội đồng xã Phong Chương; Kè chống sạt lở 02 bên hói Trung Thạnh, xã Phong Bình; Công trình Kênh thoát lũ kết hợp tiêu úng Khe Nhì Tây, xã Điền Hương (giai đoạn 2); Kênh thoát lũ kết hợp tiêu úng Khe Nhất Tây xã Điền Hương; Trạm bơm Bù Mạ xã Phong Sơn.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 15,10 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 2,41 ha, thấp hơn 12,69 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do đến nay chỉ có công trình Nhà bia tưởng niệm 13 liệt sỹ hy sinh tại tiểu khu 67 đang thực hiện, còn lại các công trình khác đến nay vẫn chưa thực hiện được.

- Đất xây dựng cơ sở y tế:

Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 32,23 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 14,75 ha, thấp hơn 17,48 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do công trình mở rộng Bệnh viện trung ương Huế cơ sở 2 vẫn chưa thực hiện được, đến nay vẫn tiếp tục đưa vào thực hiện trong giai đoạn 2024 – 2030 và có điều chỉnh diện tích là 15,88 ha.

- Đất cơ sở giáo dục đào tạo:

Chỉ tiêu đất cơ sở giáo dục đào tạo theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 131,94 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 119,47 ha, thấp hơn 12,47 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do đến nay chỉ mới thực hiện được công trình Mở rộng trường tiểu học Điền Hương (Xây mới 6 phòng học) và có một số công trình loại bỏ không đưa vào thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 như: Mở rộng Trường THCS Điền Hương, Mở rộng trường trung học cơ sở Phong Hòa.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 64,49 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 47,89 ha, thấp hơn 16,60 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do đến nay chỉ thực hiện được một số công trình sau: Mở rộng nâng cấp sân bóng đá xã Phong Chương, Sân vận động xã Phong Bình, Sân bóng thôn Tân Mỹ xã Phong Mỹ.

- Đất công trình năng lượng:

Chỉ tiêu đất công trình năng lượng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.975,91 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.398,12 ha, thấp hơn 577,79 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do đến nay chỉ thực hiện được một công trình Thay cột BTLT bằng cột sắt đường dây 110kV khu vực các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế qua xã Phong An và có một số công trình loại bỏ không đưa vào thực hiện trong giai đoạn 2024-2030 như: Điện năng lượng mặt trời xã Phong Hiền, Xã Điền Hương-Điền môn, điện năng lượng mặt trời Mỹ Xuyên xã Phong Hòa. Các công trình, dự án còn lại vẫn tiếp tục đưa vào thực hiện trong giai đoạn 2024-2030.

- Đất công trình bưu chính, viễn thông:

Chỉ tiêu đất công trình bưu chính, viễn thông theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1,51 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1,51 ha.

- Đất có di tích lịch sử, văn hoá:

Chỉ tiêu đất có di tích lịch sử, văn hoá theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 4,04 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 3,51 ha, thấp hơn 0,53 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do các công trình di tích vẫn chưa thực hiện được.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 15,01 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 3,31 ha, thấp hơn 11,70 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do Nhà máy xử lý rác thải Phong Thu, Lò đốt rác tại Điền Hải vẫn chưa thực hiện được.

- Đất cơ sở tôn giáo:

Chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 16,35 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 16,49 ha.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:

Chỉ tiêu đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 2.126,36 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.994,56 ha, thấp hơn 131,80 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do các công trình, dự án nghĩa trang vẫn chưa thực hiện được như: Khu công viên nghĩa trang huyện xã Phong Thu; Nghĩa địa Cồn Kia thị trấn Phong Điền; Quy hoạch và đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa Triều Dương xã Phong Hiền; Xây dựng mở rộng nghĩa trang liên xã Phong Thu, Phong Hòa và Thị Trấn Phong Điền; Mở rộng nghĩa địa Mỹ Xuyên xã Phong Hòa, Chỉnh trang nghĩa trang Rú Hóp xã Phong Bình,... vẫn tiếp tục đưa vào thực hiện trong giai đoạn 2024 -2030.

- Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ:

Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 175,09 ha, đến 31/12/2023 là 16,89 ha, thấp hơn 158,20 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do mở rộng Trung tâm bảo tồn Tài nguyên

thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động vật, thực vật thuộc bảo tàng thiên nhiên Việt Nam chưa thực hiện.

- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:

Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,22 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 0,22 ha. ổn định so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất chợ:

Chỉ tiêu đất chợ theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 12,17 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 9,27 ha, thấp hơn 2,90 ha so với Quy hoạch sử dụng đất. Do các công trình, dự án mở rộng xây mới các chợ chưa thực hiện được như: Xây dựng mở rộng chợ An Lễ, Mở rộng Chợ Điền Hương, Mở rộng chợ Phong Mỹ, Quy hoạch chợ xã Phong Bình vẫn chưa thực hiện

- + Đất sinh hoạt cộng đồng:

Chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 13,00 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 12,20 ha, thấp hơn 0,80 ha so với Quy hoạch sử dụng đất.

- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

Chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 10,87 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 3,92 ha, thấp hơn 6,95 ha so với Quy hoạch sử dụng đất.

- + Đất ở tại nông thôn:

Chỉ tiêu đất ở tại nông thôn theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 506,63 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 991,38 ha, cao hơn 484,75 ha so với quy hoạch sử dụng đất. Do định hướng trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 của huyện Phong Điền trở thành thị xã là chuyển 8 xã sát nhập thành 6 phường đến nay vẫn chưa thực hiện.

- + Đất ở tại đô thị:

Chỉ tiêu đất ở tại đô thị theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 844,24 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 72,33 ha, thấp hơn 771,91 ha so với Quy hoạch sử dụng đất.

- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 20,35 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 13,20 ha, thấp hơn 7,15 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do một số trụ sở theo quy hoạch đến nay chưa thực hiện được như: Mở rộng khu hành chính xã Phong Hiền; Khu hành chính xã Phong Sơn, Điền Hải; Mở rộng trụ sở UBND xã Phong Chương, Khu hành chính xã Phong Mỹ.

- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 3,38 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 3,00 ha, thấp hơn 0,38 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do một số trụ sở theo quy hoạch đến nay chưa thực hiện được như: Các trạm đo mưa, trạm thủy văn trên địa bàn huyện Phong Điền, quỹ đất trụ sở sự nghiệp trên địa bàn huyện.

+ Đất tín ngưỡng:

Chỉ tiêu đất tín ngưỡng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 149,59 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 149,73 ha, cao hơn 0,14 ha so với Quy hoạch sử dụng đất do trong kỳ quy hoạch có quy hoạch giảm đất tín ngưỡng sang loại đất khác nhưng chưa thực hiện được.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Chỉ tiêu đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.071,98 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.100,09 ha, cao hơn 28,11 ha so với Quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng:

Chỉ tiêu đất có mặt nước chuyên dùng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1.342,29 ha, thực hiện đến 31/12/2023 là 1.501,15 ha, cao hơn 158,86 ha so với Quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất phi nông nghiệp khác:

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp khác theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 4,37 ha.

3.1.3. Đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu đất chưa sử dụng theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 619,67 ha, thực hiện đến 31/12/2023 đất chưa sử dụng còn 2.694,87 ha, cao hơn 2.075,20 ha so với Quy hoạch.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

3.2.1. Những mặt đạt được

Nhìn chung, việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất và chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện đã theo sát và về cơ bản đã đạt Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 về phê duyệt về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền;

Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả quỹ đất, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Phong Điền đã tạo cơ sở pháp lý cho

huyện trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc quản lý và bảo vệ các diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được đảm bảo. Các diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khu dân cư đã cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

3.2.2. Những hạn chế, tồn tại

- Công tác dự báo chưa sát nhu cầu thực tiễn; một số công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phát sinh sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên không có căn cứ thực hiện giao đất, cho thuê đất; ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của huyện. Quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Việc tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chưa thường xuyên.

- Vốn đầu tư thực hiện một số dự án có sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn hẹp dẫn đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Phong Điền được xây dựng trên cơ sở tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực, quá trình rà soát lập quy hoạch sử dụng đất các sở, ngành, địa phương còn đưa vào quá nhiều công trình dự án nhưng chậm triển khai thực hiện dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất không cao.

3.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành và các địa phương trong công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhìn chung chưa tốt dẫn đến quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự gắn kết.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất nói chung và kế hoạch sử dụng đất nói riêng chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước... dẫn đến một số dự án, công trình không triển khai thực hiện được.

3.2.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc lập Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện như sau:

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp cần đi trước để đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trong trường hợp quy hoạch ngành duyệt trước thì phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư trong và ngoài tỉnh cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẾN NĂM 2030

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng tăng trưởng và hiệu quả kinh tế. Phát huy các tiềm năng, lợi thế sẵn có, kết hợp thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài, tạo bước đột phá trong phát triển công nghiệp, làng nghề phát triển mạnh các ngành dịch vụ có lợi thế phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hướng tới cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Phát triển công nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng tâm, dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng. Phát triển các vùng kinh tế theo hướng tập trung chuyên môn hóa. Hình thành vùng kinh tế động lực, năng động, tạo sức phát triển lan tỏa.

- Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, xây dựng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, hướng tới nâng cấp Phong Điền trở thành đô thị loại IV, xứng tầm là đô thị cửa ngõ phía Bắc của tỉnh. Quy hoạch thành lập các thị trấn với vai trò là trung tâm tiểu vùng phát triển hình thái đô thị ở các trung tâm xã, tạo điểm nhấn thúc đẩy đô thị hóa trên địa bàn toàn huyện.

- Phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Chú trọng công tác giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, các dịch vụ y tế, văn hóa-xã hội. Thực hiện tốt cơ chế dân chủ cơ sở. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân quan tâm các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển kinh tế-xã hội gắn kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, đầm phá, hệ lâm sinh bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống địa phương. Chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quốc phòng-an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển toàn diện kinh tế-xã hội huyện Phong Điền đạt mức tăng trưởng cao và bền vững. Công nghiệp, dịch vụ phát triển mạnh, tạo tăng trưởng đột phá cho nền kinh tế. Nông nghiệp, nông thôn chuyển biến mạnh về chất lượng và hiệu quả kinh tế gắn với thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới. Chuyển

dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp. Kết cấu hạ tầng được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại tốc độ đô thị hoá được đẩy nhanh xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Lĩnh vực văn hóa-xã hội được quan tâm phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao môi trường được bảo vệ và cải thiện các nguồn tài nguyên được khai thác hợp lý, hiệu quả quốc phòng - an ninh được củng cố, vững mạnh chính trị-xã hội được giữ vững ổn định.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

- Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025 và năm 2030 thì đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá để đạt tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế - xã hội cao và bền vững. Đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế tạo chuyển biến mạnh về hiệu quả hợp tác và đầu tư.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng thâm canh, sản xuất hàng hóa, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật mới. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, nâng cao thu nhập/đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, mở rộng các loại hình dịch vụ, chuyển đổi ngành nghề, tạo thêm việc làm cho lao động khu vực nông thôn.

- Mở rộng phát triển thương mại dịch vụ, du lịch trở thành ngành kinh tế chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế vào năm 2030. Xây dựng một nền kinh tế sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục hoàn chỉnh đồng bộ kết cấu hạ tầng.

- Chăm lo phát triển văn hóa và chiến lược con người.

- Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ mới.

- Gắn phát triển kinh tế-xã hội với bảo vệ môi trường, giữ cân bằng sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững. Chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

+ Khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước và khu vực chuyên trồng cây công lâu năm)

Tiếp tục phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng bền vững. Ứng dụng khoa học kỹ thuật gắn với đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, liên kết để hỗ trợ, thúc đẩy từ sản xuất hàng hóa đến tiêu thụ. Tiếp tục thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa để hình thành mô hình cánh đồng mẫu lớn trồng lúa, phát triển trồng rau công nghệ cao. Tiếp tục sản xuất các đối tượng cây trồng theo hướng hữu cơ, VietGAP, tiêu chuẩn VietGAP như lúa, lạc, rau, thanh trà...; xây dựng vùng chuyên canh cây ăn quả đặc sản ở Phong

Thu, Thị trấn Phong Điền, Phong Hòa, Phong Sơn, Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong An và Phong Hiền.

Dự kiến đến năm 2030, diện tích khu sản xuất nông nghiệp có hơn 6.972,14 ha.

+ Khu lâm nghiệp

Tập trung bảo vệ tốt vốn rừng hiện có. Tiếp tục trồng rừng mới và trồng bổ sung để tăng tỷ lệ che phủ rừng. Đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ ở vùng cát ven biển và trồng rừng sản xuất ở vùng cát nội đồng. Triển khai trồng rừng phòng hộ. Nghiên cứu trồng rừng ngập nước ven phá Tam Giang. Dự kiến đến năm 2030, diện tích khu lâm nghiệp có hơn 62.031,03 ha.

+Khu phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp

Phát triển các khu công nghiệp Phong Điền, cụm công nghiệp Điền Lộc, Cụm công nghiệp Điền Lộc 2, cụm công nghiệp Sơn Xuân Mỹ ở quy mô vừa phải, hạn chế ô nhiễm môi trường. Tiếp tục đầu tư mở rộng hạ tầng các làng nghề gắn với củng cố, nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý với mô hình phù hợp.

Dự kiến đến năm 2030, diện tích khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khoảng 865,08 ha.

+ Khu đô thị - Thương mại - dịch vụ

- Thị xã Phong Điền hiện hữu sẽ được đầu tư phát triển thành điểm đô thị trung tâm với chức năng là trung tâm hành chính – kinh tế - chính trị, kết hợp với khu công nghiệp tập trung công nghệ cao với lợi thế về vị trí giao thông thuận lợi, hạ tầng kỹ thuật đầu tư đồng bộ.

- Khu vực cửa ngõ phía Tây Nam phát triển trở thành một trung tâm đô thị mới với lợi thế kết hợp điểm xuông cao tốc Bắc Nam và đẩy mạnh tiềm năng khu vực đồi núi, vùng bảo tồn thiên nhiên, phát triển lâm nghiệp và du lịch.

- Khu vực phía Đông Bắc phát triển trở thành trung tâm kinh tế biển, dịch vụ và du lịch sinh thái và kinh tế cảng biển.

* Dự kiến phát triển các khu đô thị lớn tập trung trung tâm thị xã như:

+ Khu đô thị Phong An 200 ha

+ Khu đô thị sinh thái Hồ Cây Mang thị trấn Phong Điền: 27,3 ha;

+ Dự án khu đô thị nhà ở và kinh doanh thương mại dịch vụ ven phá Tam Giang xã Điền Hải: 27 ha

+ Khu dân cư sinh thái phía Tây Thị Trấn Phong Điền: 62 ha;

+ Khu dân cư dịch vụ khu công nghiệp xã Phong Hiền đối diện khu công nghiệp: 104,16 ha;

+ Khu nhà ở xã hội, dân cư kết hợp dịch vụ ở xã Phong Hiền: 34 ha;

+ Khu dân cư thương mại Hạ CảngThị Trấn Phong Điền: 23 ha;

+ Dự án khu nhà ở mật độ thấp tại thị trấn Phong Điền: 70,00 ha.

Ngoài ra còn phát triển Khu đô thị Điền Hoà tại xã Điền Hoà, huyện Phong Điền với diện tích khoảng 21 ha; Khu đô thị du lịch nước khoáng nóng và sân golf

Thanh Tân xã Phong Sơn: 700 ha; Tổ hợp Khu ở kết hợp vui chơi giải trí đa năng và sân Golf cao cấp Phong Hiền: 330 ha; Khu đô thị du lịch ven biển (Dự án khu phức hợp du lịch, đô thị Điền Lộc).

Dự kiến đến năm 2020, diện tích Khu đô thị - Thương mại - dịch vụ của huyện là 20.678,48 ha

- Khu vực phát triển du lịch

Tập trung khai thác tiềm năng du lịch biển và các hình thức du lịch nghỉ dưỡng du lịch sinh thái như: Khu du lịch đầu nguồn sông Ô Lâu, Khu du lịch sinh thái sân golf, Khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia, Khu du lịch quốc gia Thanh Tân, Adon, Khe Me... Kết nối xây dựng các tour, tuyến du lịch dựa vào cộng đồng trên cơ sở khai thác các điểm di tích lịch sử trên địa bàn huyện kết hợp khai thác có hiệu quả du lịch làng cổ Phước Tích trở thành điểm văn hóa quan trọng của huyện Phong Điền nói riêng và tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung. Mặt khác khai thác và phát huy giá trị đặc trưng cảnh quan hệ thống đầm phá Tam Giang trở thành một loại hình du lịch sinh thái, nhân văn và kết hợp được các hoạt động sản xuất khác tại địa phương các làng nghề truyền thống như rượu Phong Chương, tương măng Phong Mỹ, khôi phục, tổ chức các lễ hội dân gian truyền thống như hội vật, tế lễ.

Dự kiến đến năm 2030, diện tích đất khu du lịch của huyện là 2.639,00ha.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, trở thành vùng kinh tế động lực phía Bắc của tỉnh. Phát triển công nghiệp kết hợp nông nghiệp sạch theo hướng công nghệ cao là nền tảng, huy động mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng kỹ thuật cho phát triển đô thị là giải pháp đột phá. Phát huy dân chủ, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý điều hành của chính quyền từ huyện đến xã; hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới và trở thành thị xã trước năm 2025, góp phần xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 15-17%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: 75-80 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 12-15%/năm.

- Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân 12-13%/năm. (5). Tỷ lệ trưởng đạt chuẩn quốc gia trên 90%.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 40-45%, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia tự nguyện khoảng 2,5%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 70%; lao động có việc làm mới hàng năm 1.500 – 1.700 người, trong đó người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ 150 – 200 người.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2,5% (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025)

100% xã đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2023, 50% phường đạt văn minh đô thị.

- 100% xã, phường thực hiện thu gom, phân loại rác tại nguồn; 70% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch: 100%.

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng: 57%.

(Nguồn: Kế hoạch số 165/KH-UBND của UBND huyện Phong Điền ngày 02/12/2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn (2021-2025).)

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững theo hướng an toàn, chất lượng cao gắn với chuỗi giá trị hàng hóa, từng bước nâng cao giá trị sản xuất và gắn với xây dựng nông thôn mới. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp bình quân tăng 6-9%/năm, chiếm tỷ trọng 18-19% trong cơ cấu kinh tế.

Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Huy động các nguồn lực, kết hợp nhiều chương trình, dự án để đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu, chú trọng đầu tư giao thông nội đồng, kiên cố hóa kênh mương, tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi, đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Trên lĩnh vực trồng trọt: Tiếp tục sản xuất các đối tượng cây trồng theo hướng hữu cơ, VietGAP, tiêu chuẩn VietGAP như lúa, lạc, rau, thanh trà...; phát triển trồng rau công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện công tác dồn điền đổi thửa; rà soát, bổ sung quy hoạch vùng sản xuất để phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của huyện gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý... Đẩy mạnh chuyển đổi một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên, thế mạnh và kinh nghiệm sản xuất của mỗi vùng³⁶; đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất, tăng năng suất lao động. Hình thành Trung tâm sản xuất giống sen tại huyện; phát triển trồng cây mai vàng có lợi thế của huyện để phát triển kinh tế gắn với phục vụ phát triển du lịch; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển du lịch như: Mô hình trồng cây thanh trà, mô hình trồng sen, mô hình phát triển lâm sản, cây dược liệu dưới tán rừng, mô hình phát triển các vùng nguyên liệu đầu vào cho các ngành nghề truyền thống (như đẽm bàng, góm...) gắn với du lịch cộng đồng,

tham quan, trải nghiệm... Duy trì và phát triển ổn định các loại cây công nghiệp, cây ăn quả.

Về chăn nuôi: Ưu tiên phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, an toàn dịch bệnh; liên kết theo chuỗi liên kết, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến. Triển khai Đề án chăn nuôi tập trung theo hướng an toàn, sinh học. Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư hạ tầng các điểm trang trại chăn nuôi, tập trung theo quy hoạch tại xã Điền Hòa, xã Phong Hiền, xã Điền Môn, xã Phong Chương và các xã có điều kiện về quỹ đất để thực hiện dự án lĩnh vực này

Về lâm nghiệp: Áp dụng giống mới vào rừng trồng kinh tế, từng bước chuyển sang trồng rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng (SFC) nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Duy trì diện tích cây cao su; triển khai trồng cây trong nghĩa trang, nghĩa địa đóng cửa; tổ chức trồng cây bản địa, rừng ngập mặn và ngập nước ở các xã ven phá Tam Giang; tích cực trồng cây phân tán ở khu vực đô thị, dân cư nông thôn, duy trì tỷ lệ che phủ rừng 57%. Tổ chức trồng mới, trồng rừng thay thế hàng năm trên 1.000 ha. Hỗ trợ nhân dân phát triển các loại cây trồng dưới tán rừng, nhất là cây dược liệu. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Về nuôi trồng thủy sản: Đẩy mạnh nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, nhất là nuôi tôm trên cát. Khai thác có hiệu quả hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản; có cơ chế thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi trồng thủy sản và bao tiêu sản phẩm nuôi; làm tốt công tác quản lý quy hoạch, quản lý môi trường. Tổ chức gắn kết để xây dựng mô hình nuôi tôm theo công nghệ của Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam. Sản lượng đánh bắt thủy sản đến năm 2025 đạt 18.000 tấn.

b) Khu vực kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng tâm. Giá trị sản xuất tăng bình quân 14-16%/năm, chiếm tỷ trọng 60-62% trong cơ cấu kinh tế.

Phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý khu kinh tế - công nghiệp tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh để kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư, phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lấp đầy đạt trên 80%, trong đó ưu tiên các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp dệt may, công nghiệp năng lượng tái tạo. Phối hợp, triển khai đầu tư hệ thống cấp nước, xử lý nước thải tại khu công nghiệp. Triển khai quy hoạch, kêu gọi đầu tư các khu dân cư, hạ tầng xã hội, dịch vụ phục vụ khu công nghiệp tại khu quy hoạch dọc đường cứu hộ, cứu nạn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn hoạt động ổn định.

Tập trung các nguồn lực đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Điền Lộc; khảo sát, nghiên cứu hình thành cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vùng gò đồi. Tập trung tổ chức sản xuất tại các điểm tiểu thủ công nghiệp, điểm sản xuất tập

trung phù hợp quy mô, tập quán của từng ngành nghề tại các xã Phong An, Phong Bình, Phong Hòa,... Hỗ trợ xây dựng hạ tầng các làng nghề, đầu tư nâng cấp đường giao thông, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải. Cùng cố, mở rộng phát triển làng nghề, nghề truyền thống (Mộc Mỹ Xuyên, gồm Phước Tích, các sản phẩm từ cây đẽm bàng...); mở rộng vùng nguyên liệu bàng để phát triển nghề đẽm bàng Phong Bình và xây dựng chính sách phù hợp hỗ trợ vốn vay, cho thuê mặt bằng, hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm thị trường... để duy trì, phát triển các làng nghề gắn với phát triển du lịch.

b) Khu vực kinh tế thương mại - dịch vụ, du lịch

Tập trung phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là du lịch dịch vụ và thương mại, trong đó du lịch dịch vụ phát triển đột phá. Giá trị sản xuất bình quân tăng 18%, chiếm tỷ trọng 20-21%.

Tăng cường kêu gọi đầu tư, từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng thương mại-dịch vụ, nhất là mạng lưới chợ, các dịch vụ vận chuyển, thông tin, logistics...; kết hợp giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, tạo thành mạng lưới phân phối hàng hóa và cung ứng dịch vụ đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, liên kết vùng, kết nối cung cầu nhằm đưa các sản phẩm chủ lực của huyện vào hệ thống phân phối hiện đại, các điểm tham quan du lịch trong và ngoài huyện.

Xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường cho các sản phẩm tiềm năng. Hỗ trợ và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và hộ nông dân tham gia, giới thiệu sản phẩm ở trong và ngoài huyện. Tạo điều kiện hình thành và phát triển thị trường dịch vụ. Tổ chức hội chợ, triển lãm định kỳ, nhằm thu hút doanh nghiệp trong và ngoài huyện tham gia, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư mới tiếp cận đối với các hàng hóa nông sản, nhất là các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện.

Làm tốt công tác quy hoạch, dành quỹ đất, mặt bằng xây dựng các cơ sở thương mại, dịch vụ khu vực ngã tư An Lỗ, ngã tư Tỉnh lộ 9 - Quốc lộ 1A. Triển khai dự án nâng cấp, mở rộng chợ An Lỗ, chợ Phò Trạch, chợ Điền Lộc; tiếp tục thực hiện tốt công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ. Thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ tổng hợp khu vực An Lỗ và Dự án trung tâm thương mại thị trấn Phong Điền dọc tuyến Quốc lộ 1A; Khu trung bày, giới thiệu nhà rường truyền thống gắn với phát triển du lịch tại Mỹ Xuyên; hình thành các điểm bán sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của huyện.

Mở rộng các loại hình dịch vụ mới như xuất khẩu lao động, giới thiệu việc làm, dịch vụ đô thị, y tế chất lượng cao, vui chơi giải trí...Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nhanh các loại hình dịch vụ, xúc tiến thương mại, huy động các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn gắn với hình thành trung tâm thương mại và các đô thị vệ tinh.

Phát triển đa dạng các loại hình du lịch trên cơ sở khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế đặc thù như du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng - chữa bệnh, tắm biển. Tăng cường công tác quy hoạch đề tập trung phát triển các nhóm sản phẩm du lịch ở các khu vực: Khu du lịch khoáng nóng Thanh Tân mở rộng gắn với du lịch sinh thái nghỉ dưỡng suối thác tại các điểm A Đon, Khe Me - hồ Quao - thượng nguồn sông Lâu - Chiến khu Hòa Mỹ - Dốc Ba Trục; du lịch làng cổ Phước Tích (trên cơ sở quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị làng cổ Phước Tích); cụm Đông Bắc gắn với trầm Thiềm, Bàu Bàng và phát triển du lịch gắn với chuỗi sản phẩm nông nghiệp (sen, thanh trà...), các làng nghề truyền thống (mộc Mỹ Xuyên, gốm Phước Tích, đẽm bàng Phò Trạch...).

Hoàn thành dự án đầu tư hạ tầng tại Làng cổ Phước Tích. Tập trung kêu gọi đầu tư các khu dịch vụ, du lịch vào các khu vực có tiềm năng như vùng Đông Bắc huyện (gồm khu vực liên hồ trầm Thiềm, Bàu Bàng...) để hình thành các khu nghỉ dưỡng cao cấp; phát triển đô thị nghỉ dưỡng ven biển Điền Lộ, vùng đầm phá Tam Giang, hạ nguồn sông Lâu; đẩy mạnh phát triển du lịch cụm Thanh Tân theo hướng mở rộng tại Phong Xuân, Phong Mỹ để trở thành khu du lịch quốc gia.

2.1.3. Dự báo quy mô dân số trong kỳ quy hoạch

Dân số được dự báo theo phương pháp toán học, mô hình tổng quát dự báo như sau:

$$P_t = P_0 \times (1+r)^t$$

Trong đó:

P_t: Dân số năm dự báo

P₀: Dân số hiện trạng

r: Tỷ lệ tăng dân số trung bình bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học

t: Số năm dự báo

Dân số hiện trạng năm 2020 là: 109.156 người (trong đó dân số thường trú là 106.156 người; dân số quy đổi khoảng 3.000 người).

Tỷ lệ tăng dân số trung bình (tăng tự nhiên và tăng cơ học) giai đoạn 2018-2020 là 1,0%: Dự báo giai đoạn đến 2030 tăng khoảng 2%, giai đoạn 2030- 2050 tăng 3%.

Dự báo dân số đến năm 2030 là :

$$P_{2030} = 109.156 \times (1+0,02)^{10} = 133.060 \text{ người}$$

Dân số dự báo đến năm 2050 là:

$$P_{2050} = 133.060 \times (1+0,03)^{20} = 240.321 \text{ người}$$

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Phong Điền đến năm 2030 theo từng đơn vị hành chính xã, thị trấn sau (các loại đất chính):

Bảng 04: Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của các xã, thị trấn (các loại đất chính)

STT	Đơn vị hành chính (Cấp xã)	Tổng diện tích tự nhiên (Đơn vị hành chính) (ha)	Loại đất		
			Đất nông nghiệp (ha)	Đất phi nông nghiệp (ha)	Đất chưa sử dụng (ha)
	Huyện Phong Điền	94.566,11	76.493,52	17.440,99	631,60
1	Thị Trấn Phong Điền	1.874,85	918,58	950,26	6,01
2	Xã Điền Hương	1.725,91	1.103,63	600,22	22,06
3	Xã Điền Môn	1.643,16	958,88	665,11	19,17
4	Xã Điền lộc	1.361,38	666,97	642,01	52,40
5	Xã Phong Bình	1.764,62	1.093,38	653,84	17,40
6	Xã Điền Hòa	1.354,53	772,49	480,39	101,65
7	Xã Phong Chương	3.524,54	2.271,44	1.218,01	35,09
8	Xã Phong Hải	546,90	228,58	281,86	36,46
9	Xã Điền Hải	1.268,75	464,78	796,90	7,07
10	Xã Phong Hòa	3.426,50	1.860,84	1.559,49	6,17
11	Xã Phong Thu	2.658,93	1.901,64	723,44	33,85
12	Xã Phong Hiền	3.948,00	1.955,03	1.974,73	18,24
13	Xã Phong Mỹ	38.900,83	37.232,15	1.604,69	63,99
14	Xã Phong An	3.237,65	2.170,25	1.018,03	49,37
15	Xã Phong Xuân	15.813,13	13.923,32	1.742,25	147,56
16	Xã Phong Sơn	11.516,43	8.971,56	2.529,76	15,11

* Nhu cầu tăng thêm về đất nông nghiệp, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 5,00 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 569,00ha;
- Đất trồng rừng Phòng hộ: 2076,84 ha;
- Đất rừng sản xuất: 1008,28 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 202,90ha;
- Đất nông nghiệp khác: 664,86 ha;

* Nhu cầu tăng thêm về đất phi nông nghiệp, trong đó:

- Đất quốc Phòng: 138,12ha;
- Đất an ninh: 13,12 ha;
- Đất khu công nghiệp: 309,41;
- Đất cụm công nghiệp: 165,08 ha;
- Đất thương mại dịch vụ: 942,13 ha
- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 61,39ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 2092,41ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 416,48ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 1.491,40 ha. Trong đó:
 - + Đất giao thông: 366,37 ha.
 - + Đất thủy lợi: 64,00ha;
 - + Đất chợ: 2,90 ha;
 - + Đất có di tích lịch sử văn hóa: 0,52 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: 13,30 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: 158,2 ha

- + Đất công trình năng lượng: 577,81 ha
- + Đất cơ sở thể dục thể thao: 40,33 ha;
- + Đất cơ sở văn hóa: 12,68 ha;
- + Đất cơ sở y tế: 17,7 ha;
- + Đất cơ sở tôn giáo: 0,2 ha;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 264,93ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,85 ha;
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 7,38 ha.
- Đất ở tại nông thôn: 93,68 ha.
- Đất ở tại đô thị: 787,19ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 8,16ha.
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,97 ha.

(Danh mục các công trình, dự án trong Quy hoạch được thể hiện chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2.2.2. Chỉ tiêu phân bổ đất đai đến năm 2030

Bảng 05: Chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2030

STT	Chỉ tiêu	Mã	Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu %
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			94.566,11	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.493,52	80,89
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.515,98	5,83
Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước		LUC	5.497,14	5,81
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.248,11	2,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.839,59	5,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10.117,11	10,70
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	33.940,04	35,89
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17.973,88	19,01
Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên		RSN	3.796,56	4,01
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	961,90	1,02
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	896,91	0,95
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	17.440,99	18,44
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	203,87	0,22

2.2	Đất an ninh	CAN	18,60	0,02
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	700,00	0,74
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	165,08	0,17
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.000,99	1,06
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	146,82	0,16
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2.141,65	2,26
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	967,86	1,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.105,84	8,57
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	2.212,23	2,34
-	Đất thủy lợi	DTL	1.306,84	1,38
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,10	0,02
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	32,23	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	128,94	0,14
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	84,49	0,09
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.975,91	2,09
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,61	-
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,04	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,01	0,02
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,35	0,02
-	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2.125,61	2,25
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	175,09	0,19
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,22	-
-	Đất chợ	DCH	12,17	0,01
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,00	0,01
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	10,87	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	506,63	0,54
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	844,24	0,89
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,35	0,02
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,96	0,00
2.17	Đất xây dựng trụ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	149,59	0,16

2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.071,98	1,13
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.365,29	1,44
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,37	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	631,60	0,67
II	Khu chức năng			
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	-	-
2	Đất khu kinh tế	KKT	-	-
3	Đất đô thị	KDT	19.677,49	20,81
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	6.972,14	7,37
5	Khu lâm nghiệp (Khu vực rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	62.031,03	65,60
6	Khu du lịch	KDL	2.639,00	2,79
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	34.132,74	36,09
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	865,08	0,91
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	19.677,49	20,81
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	1.000,99	1,06
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	20.678,48	21,87
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	74.888,62	79,19
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	1.497,69	1,58
	<i>Ghi chú: (*): Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên.</i>			

2.2.3.3. Đối với đất chưa sử dụng

Bảng 11: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	406,83
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-

	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	51,50
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	175,40
1.8	Đất làm muối	LMU	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	179,93
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1557,60
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	11,63
2.2	Đất an ninh	CAN	4,89
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	62,30
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,93
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	157,85
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	8,70
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	515,37
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	334,38
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	299,79
	Trong đó:		
-	Đất giao thông	DGT	46,25
-	Đất thủy lợi	DTL	7,20
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,62
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,31
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	6,92
-	Đất công trình năng lượng	DNL	235,64
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	-
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,12
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-
-	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-

	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
-	Đất chợ	DCH	0,33
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,05
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,16
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	11,40
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	62,76
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,58
2.17	Đất xây dựng trụ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

2.2.3.4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch

Bảng 06: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	4.104,48
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	231,23
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>187,13</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	175,16
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	101,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	240,07
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3.155,27
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	182,75
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	LUA/PNN	18,20

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
II	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		866,33
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	8,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR(a)	-
2.7	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR ^(a)	-
2.8	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)	858,33
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/NKR ^(a)	-
III	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	32,44

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

2.3. Tầm nhìn đến năm 2050

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội một cách đồng bộ từ cấp xã đồng thời phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Phong Điền, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của huyện, tỉnh, quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt; phù hợp với quy hoạch kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành của tỉnh. Đồng thời Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa có tính định hướng cho sự phát triển kinh, tế xã hội vừa có tính dự báo mang tầm chiến lược cho sự phát triển bền vững nhu cầu sử dụng đất đai hợp lý tránh sử dụng thiếu khoa nguồn tài nguyên đất dẫn đến lãng phí và gây ô nhiễm nguồn tài nguyên không tái tạo này. Sau khi huyện Phong Điền trở thành thị xã tiếp tục phát huy các thế mạnh

vốn có để từng bước đưa Phong Điền trở thành đô thị mạnh cửa ngõ phía Bắc của tỉnh. Để đạt được điều đó, tầm nhìn đến năm 2050 cần phải định hướng như sau:

2.4.1. Đất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa: Quy hoạch các vùng sản xuất lúa chất lượng cao tập trung quy mô cánh đồng mẫu lớn ở tất cả các xã, thị trấn. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích đất lúa nước sang phục vụ cho các mục đích phi nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực.

- Đất trồng cây lâu năm: Khai thác diện tích đất chưa sử dụng tại những vị trí thuận lợi đưa vào trồng cây ăn quả lâu năm đồng thời tiếp tục phát triển diện tích các mô hình cây ăn quả có giá trị cao ở các xã Phong Thu, xã Phong Sơn, xã Phong Mỹ, Thị trấn Phong Điền, xã Phong Hòa, xã Phong An, xã Phong Hiền nếu mô hình có hiệu quả cần mạnh dạng định hướng trồng cây ăn quả trong các trang trại tổng hợp, gia trại và phát triển sang các xã khác trên địa bàn huyện. Khai thác diện tích đất chưa sử dụng tại những vị trí thuận lợi đưa vào trồng cây ăn quả lâu năm.

- Đất lâm nghiệp: tiếp tục quy hoạch các vị trí rừng phòng hộ ít xung yếu chuyển sang rừng sản xuất ở các xã Phong Mỹ, xã Phong Xuân, xã Điện Hòa, xã Điện Lộc, xã Phong Chương,... Đồng thời cũng chuyển các vùng đất rừng sản xuất ở những nơi bị xói mòn, có nguy cơ sạt lở sang phòng hộ.

- Đất nuôi trồng thủy sản: đẩy mạnh mô hình nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, nuôi tôm trên cát nhằm hạn chế nguồn nước thải gây ô nhiễm môi trường tại các xã Phong Hải, xã Điện Hương, xã Điện Môn, xã Điện Lộc, Điện Hòa.

- Đất nông nghiệp khác: trang trại tổng hợp tiếp tục phát triển các vùng Khe Mạ, Hưng Thái, Phước Thọ, Lưu Hiền Hòa xã Phong Mỹ; vùng Nhát Phong, Mỹ Phú xã Phong Chương; Vùng Hưng Long, Thượng Hòa xã Phong Hiền; ở các xã như Phong Sơn, xã Phong Xuân, Phong Thu, xã Điện Môn,....

2.4.2. Đất phi nông nghiệp:

- Đất khu công nghiệp: đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa của cả tỉnh cần mở rộng khu công nghiệp Phong Điền lên diện tích dự kiến khoảng 1200 ha.

- Đất cụm công nghiệp: sau khi đầu tư Hạ tầng cụm công nghiệp Điện Lộc cần thu hút các đơn vị sản xuất kinh doanh các nhà máy gia công phụ trợ cho khu công nghiệp Phong Điền

- Tận dụng tối đa lợi thế của huyện có nhiều phong cảnh đẹp ưu đãi từ thiên nhiên để đẩy mạnh thương mại dịch vụ trở thành ngành mũi nhọn của huyện Phong Điền tầm nhìn định hướng phát triển các vùng như: Vùng cửa ngõ phía Bắc, Nước khoáng nóng Thanh Tân, Du lịch biển Điện Lộc, du lịch Phá tam

Giang, du lịch nghỉ dưỡng sân Golf ở Phong Xuân, các trung tâm thương mại ở thị trấn, Phong An, Phong Hiền, Phong Thu, Điền Lộc,...

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Tiếp tục, đầu tư phát triển cụm tiểu thủ công nghiệp Sơn - Xuân - Mỹ. Ngoài ra, cần thu hút kêu gọi các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trong các xã vào sản xuất tại các điểm sản xuất kinh doanh tập trung, các điểm tiểu thủ công nghiệp của từng xã.

- Dự kiến khu vực quy hoạch thăm dò nhà máy điện khí tại khu vực vùng cát xã Điền Hương và Điền Môn.

- Đất cơ sở y tế: để Phong Điền trở thành trung tâm y tế lớn thứ 2 của cả tỉnh định hướng phát triển trung tâm y tế công nghệ cao bên cạnh bệnh viện giai đoạn 2030-2050 với diện tích khoảng 100 ha.

- Phát triển cơ sở hạ tầng các công trình dịch vụ công cộng: các hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội như các tuyến giao thông tầm quốc gia: Đường sắt cao tốc Bắc nam, tuyến đường ven biển. mở rộng QL 1A, và các tuyến hệ thống giao thông huyết mạch: QL49B, C, TL 6,9,11, 17,... sẽ được tiếp tục mở rộng theo lộ giới quy định. Tập trung phát triển cảng biển Điền Lộc trở thành một trong cảng biển lớn của tỉnh trong giai đoạn (2030-2050)

- Phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn phải phù hợp yêu cầu gia tăng dân số trong tương lai đồng thời phải phù hợp với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và xu hướng liên kết, hội nhập, bảo đảm sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; bảo đảm tính ổn định, phát triển bền vững; xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; coi trọng việc quản lý theo đúng quy hoạch và pháp luật; kết hợp chặt chẽ với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã.

- Đất chưa sử dụng: tận dụng tối đa nguồn đất chưa sử dụng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

PHẦN III

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện có kết quả phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền, cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau để được triển khai một cách đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả:

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Trong quá trình sử dụng đất phải thường xuyên cải tạo để nâng cao độ phì nhiêu của đất; sử dụng đất một cách tiết kiệm và hiệu quả; Hạn chế việc cày, xới bề mặt đất tại những vùng đất dốc (nhất là trong thời gian mùa mưa);

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường nhằm xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp và đảm bảo phát triển bền vững;

- Tuyên truyền vận động người dân trong việc sử dụng nước sạch và giữ gìn vệ sinh môi trường;

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hiện tại đang nằm xen trong các khu dân cư di dời vào các điểm công nghiệp tập trung hoặc ra xa khu dân cư;

- Việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước;

- Bố trí đất cho các điểm công nghiệp phải có giải pháp kỹ thuật làm giảm thiểu tính độc hại của các chất thải đồng thời có biện pháp xử lý, tránh gây ô nhiễm môi trường, phá hoại sự cân bằng môi trường sinh thái.

- Đẩy nhanh tiến độ phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng việc giao đất trồng lâu dài cho người sử dụng và đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng đến tận địa bàn còn đất chưa sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất đầu tư cải tạo tại đất;

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai khoáng sản phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu, cụ thể như những khu vực.....

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông thuỷ lợi...

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động;

- Có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi cho các ngành của huyện (như tạo điều kiện về cấp đất, nhà ở, tuyển dụng thẳng vào biên chế nhà nước, không qua tập sự. Có chính sách hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ về công tác tại huyện cũng như tại các xã);

- Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành;

- Thực hiện việc luân chuyển và tăng cường cán bộ huyện về cấp xã đảm nhận các cương vị lãnh đạo chủ chốt, thực hiện tốt chế độ trợ cấp ban đầu đối với cán bộ thuộc diện luân chuyển; có chế độ tiền lương và phụ cấp, chính sách bổ nhiệm, bố trí công tác sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

- Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo lao động là người địa phương, sử dụng họ vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn;

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết và vốn tự có trong nhân dân;

- Nguồn thu từ đất phải được sử dụng thoả đáng cho mục đích phát triển kinh tế lẫn vấn đề xã hội.

- Khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư tại các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện;

- Huy động tiền vốn và nhân lực trong nhân dân vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh, đẩy mạnh phát triển sản xuất để có nguồn lực tài chính, phát huy và khai thác hết nội lực của địa phương từ các nguồn thu, các khoản thuế;

- Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo việc sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp...

- Cơ quan Tài nguyên và môi trường huyện và cán bộ địa chính cấp xã trong huyện có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cung cấp thông tin có liên quan cho chủ sử dụng đất để thực hiện.

- Xây dựng chính sách đất đai và cụ thể hoá các điều khoản của Luật đất đai và các văn bản dưới Luật, đảm bảo kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Cần có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, du lịch. Thu hút người có tài và lao động có trình độ kỹ thuật từ các vùng khác đến công tác và làm việc lâu dài trên địa bàn huyện; đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực bằng cách đào tạo tại chỗ, gửi đi đào tạo, liên kết đào tạo;

- Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai;

- Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai;

- Đẩy nhanh tốc độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo sát sự biến động do chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái;

Đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất:

+ Hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm: hỗ trợ giống cây con, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng một số mô hình thí điểm sau đó nhân rộng đồng thời lên phương án cụ thể cho việc bao tiêu sản phẩm; đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông viên cơ sở;

+ Hỗ trợ vốn vay sản xuất: Trên nguyên tắc thuận tiện, lãi suất thấp, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn vốn. Chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế hộ gia đình;

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề: Đầu tư máy móc, thiết bị để khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp...

+ Chính sách phát triển dịch vụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: nâng cấp và mở rộng chợ làm nơi giao lưu buôn bán;

+ Chính sách thông tin về thị trường: Cần phải được xúc tiến mạnh mẽ nhằm giúp đỡ và định hướng cho nông dân sản xuất cây, con gì? bán cho ai? để đem lại hiệu quả cao và bền vững nhất.

3.2. Giải pháp về khoa học - công nghệ

Ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và các lĩnh vực khác như: quản lý, điều hành,... Khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như các thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường;

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn;

Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chịu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương vào sản xuất. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Thâm canh tăng vụ cải tạo đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, có hiệu quả cao;

Tăng cường liên kết với các trường đại học, các viện nghiên cứu để đẩy nhanh ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp đảm bảo tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi,...

Gắn sản xuất với công nghệ sau thu hoạch, phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phong Điền được xây dựng trên cơ sở khoa học phù hợp với thực tế của địa phương. Trên cơ sở đánh giá các tiềm năng sẵn có trên địa bàn (thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội), từ đó đưa ra phương án quy hoạch sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất và cho các ngành, các đơn vị hành chính cấp xã, qua đó để mở rộng khu dân cư, xây dựng khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cơ sở hạ tầng.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền:

- Đất nông nghiệp là 76.493,52 ha chiếm 80,89% diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp là 17.440,99 ha chiếm 18,44% diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng còn 631,60 ha chiếm 0,67% diện tích tự nhiên.

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Phong Điền là tài liệu có tính khả thi cao, là cơ sở cho việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, quản lý đất đai,...

II. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phong Điền để UBND huyện Phong Điền có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Đề nghị các cấp, các ngành có chính sách đầu tư, hỗ trợ thoả đáng, đặc biệt tạo điều kiện đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để huyện phát huy tốt tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra.